

36. XÃ NINH QUỚI

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Phuong	Đến cầu 30 tháng 4	650
2	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ cầu 30 tháng 4	Đến cầu Mười Thời (tên cũ: Đến cầu Bà Âu)	500
3	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Sách	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Tạo	600
4	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ngã tư chợ Ninh Quới (Nguyễn Ngọc Ẩn)	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Ty	600
5	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ cầu chợ Ninh Quới	Đến hết ranh đất công	1.400
6	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sử Văn Khuyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quận	500
7	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đình thần Nguyễn Trung Trực	500
8	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Khanh	Đến 1/2 ranh đất ông Danh Chanh	300
9	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Em	500
10	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Thị Hai (cầu giáp ranh Ninh Hòa)	Đến hết ranh Thái Đức Hồng	500
11	Ấp Ninh Phú	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Giải	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuyết Dương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thế (Cầu giáp Ninh Quới A)	500
13	Ấp Ninh Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thép	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Dợt	400
14	Ấp Ninh Bình	Hà Văn Hận	Lâm Văn Tám	400
15	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Còn	Đến hết ranh ông Đặng Văn Thạch	400
16	Ấp Vàm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thạch	Đến cầu Bà Âu	400
17	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Diệp Văn Út	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Còn	400
18	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Thắng	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Lô	400
19	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Be	Đến hết ranh đất ông Chiến	400
20	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quận	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuận	400
21	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Sơn	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuận	400
22	Kênh Trà Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Ngự	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Văn	300
23	Tuyến Lung Phèn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thu	Đến hết ranh đất ông 6 Chem	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tur Rút)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	400
25	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tur Rút)	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Trung Liên	400
26	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Trà	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Thọ	400
27	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	400
28	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ cầu 2 Ân	Hết ranh thửa đất ông Nguyễn Văn Cuôi	400
29	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hùng Dũng	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Hưởng	400
30	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Lạc	Đến hết ranh đất ông 7 Nỹ	400
31	Tuyến Kênh Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Chí Nguyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Giới	400
32	Ấp Xóm Tre	Bắt đầu từ cầu 7 Cẩm	Hết ranh thửa đất ông 6 Tiến	400
33	Tuyến Cây Me	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 4 Ngàn	Kênh Cây Me	400
34	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Trứ	Đến ranh đất ông Lâm Mười Lớn	400
35	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Vinh (ông 7 Chành)	Đến hết ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	800

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	Bờ bắc Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến ấp Phước Hoà Tiền - Thị trấn Phước Long)	700
37	Đường bờ bắc Kênh Quản lộ	Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy khu vực Hồng Dân (tên cũ: Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy huyện Hồng Dân)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Ri (ấp Ninh Lợi)	700
38	Đường bờ nam Kênh QL (Chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Tài	Đến cầu Rạch Cũ (ông Lý Ích)	2.100
39	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ chùa Hưng Thiên Tự	Đến hết ranh đất ông Lưu Minh Trung	700
40	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Minh Trung	Đến hết ranh đất kho lương thực	600
41	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ hết ranh đất kho lương thực	Đến giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	500
42	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Xiểu	Hướng Cầu Sập giáp cầu 3 Đẻ	700
43	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hòn	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	600
44	Kênh xóm Chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Châu	Đến Quản Lộ Phụng Hiệp	400
45	Đường lộ hậu sau chợ	Bắt đầu từ trụ Sở xã Ninh Quới A (Trụ Sở cũ)	Đến đường Cầu Mới Ninh Quới	1.400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Đường Phía Tây Ninh Quới Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phải	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Luân	1.400
47	Đường Phía Tây Ninh Quới Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Liệt	Đến cầu Chín Tôn (giáp xã Phước Long) (tên cũ: Đến cầu Chín Tôn (giáp huyện Phước Long))	1.200
48	Đường Phía Tây Ninh Quới Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiệp)	Đến cầu 3 Gió	700
49	Đường Phía Tây Ninh Quới Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ủ	Đến Ninh Thạnh 2 xã Hồng Dân (cầu 3.000)	500
50	Đường Phía Đông Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Phiếng	Đến hết ranh đất ông Lê Thanh Hải	700
51	Đường phía Bắc Ninh Quới Vĩnh Quới - Sóc Trăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Biểu	Đến giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	500
52	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Vân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Đức	500
53	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Điện	Đến hết ranh đất ông Trương Văn Hải	400
54	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mai Thị Vân	giáp xã Hồng Dân (tên cũ: Kênh Mười Sộp)	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
55	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Dân (ấp Ninh Tiến)	400
56	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Säck	Đến giáp ranh phường Mỹ Quới (tên cũ: Đến Nhị tỳ Ninh Hiệp (giáp ranh xã Mỹ Quới))	400
57	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Lệ	Đến giáp ranh phường Mỹ Quới (tên cũ: Đến Chùa Chệt Sĩa (giáp ranh xã Mỹ Quới))	400
58	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hùng (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đỗ Thị Sáng)	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Diêu (ấp Ninh Hiệp)	400
59	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Đăng Thêm	Đến hết ranh đất ông Hồng Văn Khởi (Vàm tư Tảo)	300
60	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ cầu Chín Điệu	Đến hết ranh đất ông Danh Thượng (Ninh Chùa)	300
61	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phuong	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (cầu 3 Tài)	300
62	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mai Văn Sanh	Đến hết ranh đất ông Lê Bửu Trang	500
63	Đường cầu mới Ninh Quới, đoạn nối giữa đường Ngan Dừa - Ninh Quới (Lộ 63)	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép Lộ 63)	Đến hết ranh đất Miếu ông Bồn	1.600

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Đường cầu mới Ninh Quới, đoạn nối giữa đường Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép lộ đường Ninh Quới - Cầu Sập)	Đến cầu Mới Ninh Quới	900
65	Phía Tây Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Ta	Đến cổng Hai Quan	800
66	Phía đông quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh của bà Lê Thị The (cầu Ngan Dừa)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Năm (Cầu Hai Quan)	800
67	Đường Dẫn Cổng âu thuyền	Bắt đầu từ cổng Âu Thuyền	Đến cổng phân ranh mặn ngọt: Cầu Sập - Ninh Quới	500
68	Đường Lộ Mới trụ sở xã Ninh Quới	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Ninh Quới (từ ranh nhà ông Thọ)	Đến đường Cầu Sập - Ninh Quới (chợ mới)	1.400
69	Kênh 3/2	Bắt đầu từ cầu 3/2	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Ngân	350
70	Kênh ba Đồng	Bắt đầu từ cầu 3 Tài	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngọc	350
71	Cầu 7 Mai	Bắt đầu từ ranh đất bà Võ Thị Anh Đào	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn On	350
72	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Thanh Hải	Đến hết ranh đất ông Đặng Thành Việt	350
73	Kênh Le Le (đường phía Bắc)	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Tú Em	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Phấn	350
74	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Phạm Văn Nghiệp	Đến hết ranh đất ông Trần Thanh Hải	350

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
75	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Đăng	Đến hết ranh đất ông Cao Trung Đương	350
76	Kênh 6 Tào	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Nhuận	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Thức	350
77	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phấn (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phưởng)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem	350
78	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ cầu Bà Âu	Nhà ông Tám Thay	530
79	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ nhà ông Cọp	Gáp ranh đất ấp Ninh An xã Hồng Dân	350
80	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ đất nhà ông Trần Văn Bon	Nhà Nguyễn Văn Dũng	350
81	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Nhà Lý Hùng	Giáp ranh phường Mỹ Quới	280
82	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Cầu Ba Gió	Giáp ranh ấp Tà Óc	350
83	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Từ cầu sắt	Hết ranh đất ông Trần Văn Hải	500
84	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			220
85	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			250
86	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

37. XÃ HỒNG DÂN

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Khu 1A			
1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Hưng Đạo	4.500
2	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	3.200
3	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (Giáp ấp Thống Nhất)	3.500
4	Khu 1B	Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé	Đến giáp ranh Trại cura Tám Tương (trên lộ và mé sông)	1.800
5	Khu 1B	Bắt đầu từ nhà ông Trần Phước Nam (giáp đường Chu Văn An)	Đến giáp Lộ trước (đến nhà ông Trịnh Văn Y)	2.500
6	Khu 1B	Bắt đầu từ giáp ranh Trại cura Tám Tương	Đến giáp ấp Bà Gòong (hết ranh đất ông Trần Văn Bé Phía trên lộ và mé sông)	1.300
	Khu 2			
7	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trung Trực	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	4.000
8	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đến đường Trần Hưng Đạo	2.500
9	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Quan Đê (Chùa ông Bôn)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An	2.800
10	Khu III	Bắt đầu từ nhà ông Trịnh Văn Hải (cầu Trọng Điền)	Đến ngã tư Kinh Xáng Trung tâm y tế	1.600
11	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu cầu Trọng Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	1.300
12	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tén	Đến đầu cầu Kinh Nhỏ	1.000
13	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ đầu cầu kinh nhỏ khu III (theo kênh nhỏ)	Đến chùa Hưng Kiến Tự	1.000
14	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 0 m	Đến 30 m	1.300

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 30 m tiếp theo	Đến 60 m	1.000
16	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 60 m tiếp theo	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	800
17	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (dọc theo sông Cái Trầu)	Đến hết ranh đất Đình thần Trung Trực	400
18	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh Tái định cư	Đến nhà ông Danh Khiêm	1.800
19	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thắng	Đến Miếu Bà Hiên	800
20	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang	Đến ngã tư Bà Gòg (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mạnh)	400
21	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mạnh	Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được)	500
22	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	2.600
23	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		1.600
24	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		1.300
25	Bờ đông, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm y tế	Đến hết ranh đất Chùa Hưng Kiến Tự	800
26	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	300
27	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	Đến hết ranh Miếu Rạch Chùa	600
28	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đăng	Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bến đò ông Bảy Được)	400
29	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy	Đến hết ranh đất ông Võ Văn So	400
30	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh	Đến hết ranh đất Bảy Được	400

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	Bờ Bắc rạch Chùa	Cầu Trung Ương đoàn	Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc	300
32	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thề	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê	2.300
33	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu	Đến Cầu Kè	1.500
34	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ Cầu Kè	Đến hết ranh đất bà Hương (giáp cầu Xẻo Vệt)	1.000
35	Đường Trần Hưng Đạo	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II)	Đến Cầu Xẻo Vệt	900
36	Ấp Bà Gòg	Bắt đầu từ ngã tư Bà Gòg (từ ranh đất ông Trương Kim Nám)	Đến giáp Khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé)	1.000
37	Ấp Bà Gòg	Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đến ngã Tư Bà Gòg (đến ranh đất ông Quách Văn Siều)	700
38	Ấp Bà Gòg	Bắt đầu từ ngã Tư Bà Gòg (từ ranh đất Trường Tiểu Học)	Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	800
39	Ấp Bà Gòg	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tình	Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuồng dơi)	350
40	Ấp Bà Gòg	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen	Đến ranh xã Ninh Hòa (cũ)	300
41	Cầu Bụi Dừa	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn	Đến cầu Bụi Dừa	350
42	Rạch Tà Ben	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn	Đến rạch Bà Hiên	350
43	Ấp Bà Gòg, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	1.000
44	Ấp Bà Gòg, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến giáp lộ Thống Nhất II)	700
45	Ấp Bà Gòg, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ cầu Xẻo Vệt (bến phà cũ)	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùi	600

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Ấp Bà Gòong, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng	500
47	Ấp Bà Gòong, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà (cũ)	450
	Khu Trung tâm hành chính (Trừ khu Trung tâm Thương mại)			
48	Đường Lê Duẩn	Cầu số 01	Đường Lộc Ninh (xem lại giới hạn)	4.000
49	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	4.000
50	Đường Bùi Thị Trường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	4.000
51	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Ngan Dừa	Đường Lộc Ninh	4.000
52	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Bùi Thị Trường	4.000
53	Đường Trần Văn Bảy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Gia Viễn	4.500
54	Đường Lê Thị Riêng	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lộc Ninh	4.000
55	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Bình Khiêm	4.500
56	Đường Trần Kim Túc	Đường Trương Văn An	Đường Lộc Ninh	3.800
57	Đường Trương Văn An	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	3.800
58	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Bảy	3.800
59	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	3.800
60	Đường Thị Châm	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	3.800
61	Đường Nguyễn Thị Mười	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Nguyễn Đình Chiểu	3.800
62	Đường Trần Văn Tấn	Đường Bùi Thị Trường	Đường Lộc Ninh	3.800
63	Đường Nguyễn Thị Năm	Đường Trần Kim Túc	Đường Trần Văn Tấn	3.800
64	Đường Lộc Ninh	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	3.150

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
65	Đường B12	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	3.800
66	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ 0 km (đầu đường)	Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông)	1.000
67	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông)	Đến hết đường Ngô Quyền	700
68	Khu III, đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui	Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly	1.400
69	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngươi	2.000
70	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Ngươi	Đến hết sân Tennis	1.400
71	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến lộ Thống Nhất II)	1.000
72	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Kênh nhỏ	Đến cầu Chùa Ngan Dừa	600
73	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Chùa Ngan Dừa	Đến hết đất ông Võ Văn So	500
74	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh Niên	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	500
75	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II)	Đến cầu Mới Bà Gòong	800

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
76	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Mới Bà Gò	Đến hết ranh thị trấn (Bãi rác)	700
77	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	900
78	Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Được	Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm	800
79	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến cổng Chèo	1.100
80	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cổng Chèo	Đến hết ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	900
81	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	Đến giáp Kinh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	700
82	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên)	600
83	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	900
84	Áp Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ Miếu Ông Bồn	Đến rạch đường Trâu (cổng Ông Cộn)	700
85	Áp Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cổng Ông Cộn)	Đến Cầu chùa Cầu Sáu	500
86	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	Đến hết ranh đất Hăng Nước đá Trần Tấn	700
87	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ hết ranh đất Hăng nước đá Trần Tấn	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tân	700
88	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụ	Đến giáp xã Vĩnh Lộc cũ (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh)	500
89	Kênh Xáng Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng	Đến ranh đất nhà bà Thị Diện	900
90	Đường dân Cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du	Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	1.000
91	Áp Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	300
92	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở xã (giáp cầu ông Tân)	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	760
93	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ	500
94	Áp Bà Ai I, Tà Suối	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sớm	Đến hết cầu nhà Năm Hiền	400
95	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Phôn (giáp xã NTL)	700
96	Áp Bà Ai I, II, Cai Giăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ	Đến hết ranh đất Chùa Thành Thát	500

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
97	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ kênh Xáng (nhà ông Đình)	Đến hết ranh ông Danh Khum	300
98	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	300
99	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum	Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình	300
100	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000	Đến hết ranh đất ông Dện	600
101	Phước Hoà	Bắt đầu từ cầu Trường học Phước Hoà	Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ)	400
102	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông Phôn	Đến hết ranh đất Chùa Cai Giăng (giáp xã Vĩnh Lộc)	400
103	Ấp Tà Suôi, Bình Dân	Bắt đầu từ cầu Tà Suôi (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)	Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng	400
104	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phen	Đến giáp cầu Bà Ai 1 (Cầu Sắt)	400
105	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Súa	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cửa	500
106	Ấp Bình Dân, Tà Suôi, Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quel (kênh 6.000)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (Bờ đông Kênh Hoà Bình)	400
107	Ấp Cai Giăng - Phước Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang	Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000)	400
108	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cả	Đến giáp cầu Trường học Phước Hòa	300
109	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu ông Tân)	Đến cầu Thanh Niên (Rạch thầy Cai)	700
110	Ấp Tà Suôi	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (rạch thầy Cai)	Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Súa)	500
111	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông 7 Nhỏ	Đến giáp kênh 3 tháng 2	300
112	Tuyến Vĩnh Ninh - Ấp Kinh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	300
113	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế	Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000)	500

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
114	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)	500
115	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	500
116	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã Ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đục	500
117	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	Đến giáp thị trấn Ngan Dừa cũ	500
118	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng	500
119	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại	Đến cầu Xéo Tràm	500
120	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm	Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)	500
121	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (Phía Đông)	500
122	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đục (phía tây về Thị trấn Ngan Dừa)	500
123	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)	Đến Cầu Xéo Tràm	400
124	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)	Đến Cống Bảy Ú	400
125	Tuyến Ninh Thạnh 2 - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh 2, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam)	Đến giáp Kênh Xáng Hoà Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)	350
126	Tuyến Ninh Phước - Tà Ốc - Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - Bờ Tây	Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại	350
127	Tuyến Ninh Phước - Tà Ốc - Ninh Thạnh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa	400

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
128	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh 1)	Đến Cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	350
129	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo	350
130	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Bảy Tý	400
131	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận	Đến Cầu Ngan Châu	300
132	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường	Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai	300
133	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít	Đến Cổng Lá Viêt	400
134	Đường vành đai sông cái	Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)	Đến Cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)	400
135	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát	Đến Cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)	350
136	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (Ranh đất ông Võ Văn Nở)	Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường)	300
137	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ trường Tuệ Tĩnh	Đến Cầu Xẻo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)	300
138	Tuyến Út Xù	Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh 1)	Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)	300
139	Tuyến kênh Trương Hồ	Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)	Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)	300
140	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ thủy)	Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh 2)	Đến Cầu ông Tiếp (Tà Ky)	300
141	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiền (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Danh Phan	300
142	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp xã Phước Long, bờ Tây)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh)	300
143	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khai (Vĩnh An)	300
144	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ cầu Quốc Dân	Cầu Bảy Tâm	300

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
145	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	300
146	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu nhà ông Lê Văn Trắng (ngã tư Sáu Bàng)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A cũ)	300
147	Tuyến kênh Xẻo Tràm	Bắt đầu từ cầu Xẻo Tràm (Trà Men)	Đến cổng Xẻo Tràm	300
148	Ấp Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng	300
149	Tuyến Hào Hai	Bắt đầu từ cầu Hào Hai (Nhà ông Nguyễn Văn Vĩ)	Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa)	300
150	Ấp Tà Ky - Tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bồn	300
151	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh	Đến kênh 9000 giáp ranh xã Lộc Ninh	300
152	Tuyến Kênh Ranh (Ninh Định - Ninh An)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới	300
153	Tuyến 9000	Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện	Đến nhà ông Phan Út Lớn	300
154	Tuyến đường bê tông 2,5 m, ấp Tà Ben	Bắt đầu từ đất ông Danh Sen	Đến đất ông Trương Văn Tính	350
155	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			300
156	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			350
157	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200

38. XÃ NINH THẠNH LỢI

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến Kênh Cộng hoà (ấp Ninh Thạnh Đông - Cây Méc - Cai Giăng - Ngô Kim - Cây Cui - Xẻo Gừa)	Bắt đầu từ Ranh đất ông Trần Văn Cang (kênh 6000) giáp xã Vĩnh Phước	Đến hết ranh đất ông Trương Quang Ba, giáp cầu kênh ranh, ấp Ngô Kim	420
2	Tuyến Kênh Cộng hoà (ấp Ninh Thạnh Đông – Cây Méc – Cai Giăng – Ngô Kim – Cây Cui – Xẻo Gừa)	Từ giáp cầu kênh ranh (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ly, ấp Ngô Kim)	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (nhà ông Tư Hoá)	380
3	Tuyến Vành đai Khu căn cứ Tỉnh uỷ đặc biệt Cái Chanh (ấp Xẻo Gừa - Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ cầu Xẻo Gừa (từ ranh đất ông Trần Bách Chiến)	Đến giáp Cầu treo Vĩnh Phong (ấp Xẻo Dừng)	450
4	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giăng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ đất ông Danh Hoàng Phel (kênh 6000), ấp Ninh Thạnh Đông	Đến kênh 10000 (nhà Danh Cáo) ấp KosThum	500
5	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng – KosThum – Ninh Thạnh Tây – Xẻo Gừa)	Từ giáp cầu 10000 (nhà ông Danh Cáo), ấp KosThum	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn, ấp Ninh Thạnh Tây	520
6	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giăng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn	Đến hết ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	920
7	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng – KosThum – Ninh Thạnh Tây – Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	- Đến hết ranh đất Trường Mầm Non Sen Hồng (Phạm Thanh Tùng)	1.330

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng – KosThum – Ninh Thạnh Tây – Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất Trường Mầm Non Sen Hồng (Phạm Thanh Tùng)	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (nhà ông Tư Hóa)	650
9	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Từ kênh 6000 (nhà ông Vũ Thanh Tông) ấp Thống Nhất	Đến Cầu Kênh 12000, ấp Chòm Cao	410
10	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Từ đất ông Lê Hồng Dân (cầu kênh 12000), ấp Chòm Cao	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Đoàn, ấp Ninh Thạnh Tây	470
11	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Từ hết ranh đất ông Quách Văn Đoàn, ấp Ninh Thạnh Tây	Đến giáp cầu kênh 14 (hết ranh đất ông Phạm Văn Thuận)	590
12	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thạnh Lợi – xã Thoàn	Bắt đầu từ đất ông Phạm Văn Thuận, ấp Xẻo Gừa	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (hết ranh đất ông Trần Bách Chiến)	450
13	Tuyến kênh 6000 (ấp Ninh Thạnh Đông) giáp xã Vĩnh Phước	Từ hết ranh đất ông Trần Văn Cang, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến hết ranh đất ông Danh Hoàng Phel	500
14	Tuyến kênh 7000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng)	Bờ Nam từ hết ranh đất ông Trần Ngọc Hiền, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Lập	450
15	Tuyến kênh 7000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng)	Bờ Bắc từ đất ông Trần Văn Quân, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	350
16	Tuyến kênh Tà Hong (ấp Ninh Thạnh Đông- Cai Giăng – KosThum)	Bờ Đông từ giáp kênh 7000, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất Chùa KosThum	350
17	Tuyến kênh Tà Hong (ấp Ninh Thạnh Đông- Cai Giăng – KosThum)	Bờ Tây từ giáp ranh đất ông Nguyễn Hoàng Khải, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp kênh xã Sang (nhà ông Danh Hoàng Anh) ấp KosThum	450

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Tuyến kênh 8000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng)	Bờ Nam từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Quân, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất bà Võ Thị Vân ấp Cai Giăng	350
19	Tuyến kênh 8000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cai Giăng)	Bờ Bắc từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Lôi, ấp Ninh Thạnh Đông	Đến giáp ranh đất bà Võ Thị Diệu, ấp Cai Giăng	450
20	Tuyến kênh 9000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cây Méc – Cai Giăng - KosThum)	Từ giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Thủy, ấp Cây Méc (bờ tây)	Đến giáp ranh đất ông Tăng Bình, ấp KosThum	360
21	Tuyến kênh 9000 (ấp Ninh Thạnh Đông – Cây Méc – Cai Giăng - KosThum)	Từ giáp ranh đất ông Châu Văn Hội (bờ đông)	Đến hết ranh đất bà Trần Thị Luôi	350
22	Tuyến kênh Cây Méc	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	Đến giáp ranh đất Bà Ly kênh Cai Giăng	350
23	Tuyến kênh Cây Méc	Từ đất ông Nguyễn Văn Út	Đến ranh đất bà Nguyễn Bé Năm	350
24	Tuyến kênh 10000 (ấp Cây Méc – Cai Giăng – KosThum)	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng, ấp Cây Méc	Đến giáp ranh đất ông Danh Mộ, ấp KosThum	350
25	Tuyến kênh 10000 (ấp Cây Méc – Cai Giăng – KosThum)	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng, ấp Cây Méc	Đến hết ranh đất ông Tăng Đờ Ra, ấp KosThum	450
26	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Đông giáp xã Hồng Dân (Cầu 3/2)	Đến cầu kênh Xã Sang (hết ranh đất Trần Kim Chi)	650
27	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Tây Từ giáp ranh đất ông Phạm Văn Hưởng, ấp Cây Méc	Đến hết ranh đất ông Quách Há gần kênh Xã Sang	350
28	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Đông Cầu Kênh Xã Xang (hết ranh đất Trần Kim Chi)	Đến cầu Út Oanh (kênh Ranh)	780
29	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	ờ Tây từ ranh đất ông Trần Văn Múa giáp kênh Xã Sang	Đến hết ra đất ông Đặng Hữu Tâm	350

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Tuyến kênh Cai Giăng	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Thành ấp Cây Méc	Đến giáp ranh đất ông Trần văn Việt, ấp Cai Giăng	350
31	Tuyến kênh Cai Giăng	Từ hết ranh đất ông Phan Văn Quân, ấp Cai Giăng	Đến giáp ranh đất ông Trần Xón, ấp KosThum	450
32	Tuyến kênh xã Sang (ấp Ngô Kim – KosThum)	Bờ Bắc Từ hết ranh đất của ông Trần Quốc Lâm, ấp Ngô Kim	Đến ranh đất ông Danh Cáo, ấp KosThum	450
33	Tuyến kênh xã Sang (ấp Ngô Kim – KosThum)	Bờ Nam Từ hết ranh đất ông Trần Quốc Thống, ấp Ngô Kim	Đến cầu 10000 (nhà Huế Cón), ấp KosThum	350
34	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ hết ranh đất ông Trương Quang Ba, ấp Ngô Kim	Đến giáp ranh đất bà Trần Mỹ Án (cầu kênh Ranh)	350
35	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ly, ấp Ngô Kim	Đến cầu Bùng Binh	450
36	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ cầu Bùng Binh	Đến hết ranh đất ông Ngô Thanh Hiền	480
37	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thạnh Tây)	Từ giáp ranh đất ông Ngô Thanh Hiền	Đến giáp ranh đất ông Tăng Thanh Bình	780
38	Tuyến kênh Hai Phi (ấp Ngô Kim hai bên)	Từ ranh đất ông Lâm Văn On, ấp Ngô Kim	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Vui, ấp Xẻo Gừa	350
39	Tuyến kênh Bùng Binh (ấp Ngô Kim - ấp Xẻo Gừa)	Từ hết ranh đất ông Lê Văn Tú, Vàm Xẻo Gừa	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Khoa	450
40	Tuyến kênh Bùng Binh (ấp Ngô Kim - ấp Xẻo Gừa)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Đèo, vàm Xẻo Gừa	Đến hết ranh đất bà 6 Sài (cầu Bùng Binh)	350
41	Tuyến kênh Tập đoàn ấp Xẻo Gừa	Từ ranh đất Miếu bà Chúa Xứ	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Châu	350
42	Tuyến kênh Tập đoàn ấp Xẻo Gừa	Từ ranh đất bà Ngô Thị Ten	Đến hết ranh đất ông Trần văn Kiệt	350

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	Đến hết ranh đất ông Tăng Thanh Bình	920
44	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Khá	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Kén (cầu kinh Ranh)	920
45	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ giáp ranh đất Nguyễn Thị Lạc	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Hoàng Tân	920
46	Tuyến nội bộ xã	Từ ngã ba lộ nội bộ (giáp ranh đất ông Phạm Xu Ly)	Đến ngã ba giáp đất ông Bảy Đạm	920
47	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ giáp đất ông Quách Văn Bình	Đến ranh đất ông Danh Xương (chùa KosThum)	450
48	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Quách Kía	Đến cầu Giác Đạo (nhà ông Tăng Bạch)	420
49	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Lý văn Liếp (đọc theo xóm 3)	Đến ranh đất ông Danh Nhi	400
50	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Trần Khêl	Đến hết ranh đất ông Danh Thol	400
51	Tuyến kênh 14 (ấp Xẻo Gừa – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Nguyễn Văn Tạo, ấp Xẻo Gừa (bờ đông)	Đến giáp ranh đất ông Lê Văn Biểu, ấp Xẻo Dừng	350
52	Tuyến kênh 14 (ấp Xẻo Gừa – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Trần Thanh Hoá (bờ tây)	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Lâm	350
53	Tuyến kênh 15 (ấp Xẻo Gừa – Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Lê Văn Sĩ (bờ đông), ấp Xẻo Gừa	Đến ranh đất ông Trương Văn Chính, ấp Xẻo Dừng	350
54	Tuyến kênh 15 (ấp Xẻo Gừa – Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ ranh đất bà Đào Ngọc Thu (bờ tây)	Đến ranh đất ông Trần Văn Nghĩa	350
55	Tuyến kênh Hào Xia (ấp Xẻo Dừng)	Từ đất ông Ba Em (đầu kênh)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trang (cuối Kênh giáp lộ Vành đai)	350

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	Tuyến kênh Hào Xia (ấp Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hôn (đầu kênh)	Đến hết ranh đất ông Thu (cuối kênh)	450
57	Tuyến kênh Đồn (ấp Cây Cui)	Từ ranh đất ông Huỳnh Văn Thịnh	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	400
58	Tuyến kênh Đồn (ấp Cây Cui)	Từ đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Hiển	350
59	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Quách Văn Nam	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Bình Luận	540
60	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Bình Luận	Đến giáp ranh đất ông Bầy Nhờ	470
61	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ giáp ranh đất ông Quách Văn Thừa	Đến hết ranh đất ông Từ Văn Lầu	460
62	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Từ Hoàng Thao	Đến giáp ranh đất ông Lâm Hoàng Vinh	470
63	Tuyến kênh Ông Yêm (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao)	Từ giáp ranh đất ông Từ Văn Lầu	Đến hết ranh đất ông Tăng Quốc Kha	400
64	Tuyến kênh Ông Yêm (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao)	Từ đất ông Phạm Văn Hậu	Đến giáp đất ông Danh Đạm	350
65	Tuyến Bờ đông kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Xẻo Dừng – Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Trò (Cầu treo Vĩnh Phong), ấp Xẻo Dừng	Đến hết ranh đất ông Trương Quốc Chiều (cầu treo)	500
66	Tuyến Bờ đông kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Xẻo Dừng – Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Đến hết ranh đất ông Trương Quốc Chiều (cầu treo)	Đến hết ranh đất ông Vũ Văn Khánh, ấp Chủ Chọt Đến công trào Phước Long	450

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
67	Tuyến Bờ Tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Bắt đầu từ đất ông Nguyễn Thanh Hà, ấp Nhà Lầu 2	Đến giáp cầu kênh Dân Quân đất bà Mát	500
68	Tuyến Bờ Tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Bắt đầu từ cầu kênh Dân Quân đất ông Lâm Hoàng Vinh	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cua, ấp Chủ Chọt giáp xã Vĩnh Phước	450
69	Tuyến kênh 6000 (ấp Chủ Chọt – Thống Nhất)	Từ giáp ranh đất ông Quách Văn Chen, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Vũ Thanh Tòng, ấp Thống Nhất	450
70	Tuyến kênh 7000(ấp Chủ Chọt – Thống Nhất)	Từ giáp ranh đất ông Trần Văn Thiên, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Trần văn Quanh, ấp Thống Nhất	350
71	Tuyến kênh 20 (8000) (ấp Thống Nhất – Nhà Lầu)	Bờ Nam từ ranh đất ông Lê Văn Đình, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Trương Quang Tư, ấp Thống Nhất	350
72	Tuyến kênh 20 (8000) (ấp Thống Nhất – Nhà Lầu)	Bờ Bắc từ ranh đất ông Nguyễn Văn Năm, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất Trường TH Trần Kim Túc	450
73	Tuyến kênh 9000 (ấp Nhà Lầu 1 – Thống Nhất)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ni	Đến giáp ranh đất ông Danh Phi Rum, ấp Thống Nhất	350
74	Tuyến kênh 10000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ ranh đất Bưu điện Nhà Lầu 1	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Kết, ấp Chòm Cao	450
75	Tuyến kênh 10000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ Cầu kênh ngang	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Việt Hải, ấp Thống Nhất	400
76	Tuyến kênh 11000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ ranh đất ông Mai Thanh Phong, ấp Nhà Lầu 1	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Vàng, ấp Chòm Cao	350
77	Tuyến kênh 12000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Lại Văn Vô	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Vàng, ấp Chòm Cao	350
78	Tuyến kênh 12000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Lê Văn Liễu	Đến giáp ranh đất ông Võ Văn Út, ấp Ninh Thạnh Tây	450

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Tuyến kênh 13000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Huỳnh Vạng	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Bảo, ấp Ninh Thạnh Tây	350
80	Tuyến kênh 6000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Nguyễn Thanh Bình, ấp Chủ Chọt	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Loan	450
81	Tuyến kênh 7000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Lương Văn Ngọt	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Thương	350
82	Tuyến kênh xã Tư (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất Miếu Bà	Đến hết ranh đất ông Võ Thanh Nghiêm	350
83	Tuyến kênh xã Tư (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Lê Văn Ly	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Liêm	350
84	Tuyến kênh 9000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất bà Ngô Thị Tạng, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sự	350
85	Tuyến kênh ông Tà (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Út, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quốc	350
86	Tuyến kênh Bà Quơ	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Trinh	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Hải	350
87	Tuyến kênh Dân quân (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Trần Văn Á	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	350
88	Tuyến kênh Dân quân (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất bà Nguyễn Thị Mát	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Biểu	450
89	Tuyến Vành đai Sông cũ	Từ ngã 4 Cạnh Đền (từ ranh đất ông Huỳnh Văn Hà)	Đến giáp cầu kênh Dân Quân (giáp nông trường)	450
90	Tuyến Vành đai Sông cũ	Từ cầu kênh Dân Quân (giáp nông trường)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cửa (kênh 6000)	450
91	Tuyến đường ĐT.979 Phước Long - Ba Đình	Bờ Đông giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	750

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	Tuyến đường ĐT.979 Phước Long - Ba Đình	Bờ Tây giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	750
93	Tuyến đường ĐT.780 Phó Sinh - Cạnh Đèn (hai bên)	Bờ Đông giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phong	750
94	Tuyến đường ĐT.780 Phó Sinh - Cạnh Đèn (hai bên)	Bờ Tây giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phong	750
95	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			220
96	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
97	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

39. XÃ VĨNH LỘC

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đinh Thị Tuyết	Đến hết ranh đất ông Bùi Văn Minh	2.200
2	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Mùi	Đến cầu Trạm Y Tế	850
3	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ đội Thuế (từ ranh đất đội thuế xã)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Nhan	2.200
4	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hoàng Nay	Đến ranh Trạm y tế xã (Tên cũ: Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Tươi)	850
5	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Út Ba	Đến hết ranh đất nhà bà Hoàng Kim Oanh (tính cả 2 bên)	850
6	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đinh Văn Tâm	Cầu Ngan Dọt	500
7	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ cầu Ngan Dọt	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	500
8	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Giáp	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung (khu chữ U)	2.200
9	Đường Liên xã	Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	600
10	Đường Liên xã	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Trắng	500
11	Đường Liên xã	Bắt đầu từ cầu Chùa Sơn Trắng	Đến Giáp xã Hồng Dân (Tên cũ: Lộc Ninh)	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	Tuyến đường Trèm Trẹm	Bắt đầu từ trụ sở ấp Sơn Trắng	Đến hết ranh đất ông Đồng Văn Xuyên (cuối lộ)	300
13	Tuyến Lung Chích	Bắt đầu từ cầu Lung Chích	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Lực - Kênh Xáng Hòa Bình	300
14	Tuyến kênh Tây Ký	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Định	500
15	Tuyến kênh Tây Ký	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Định	Đến hết ranh đất ông Tượng	300
16	Bờ Tây kênh Tây Ký (hướng Đông)	Bắt đầu từ ranh đất nhà máy xay xát lúa gạo ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Sáu Lùng	300
17	Kênh Sóc Sáp (tính hai bên kinh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chín Đức	Đến ngã tư Sóc Sáp	300
18	Kênh Chín Cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Nhi (Kênh Xáng Hòa Bình)	Đến hết ranh đất trường tiểu học Nhựt Cầm	300
19	Kênh Lộ xe	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Nững	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Thắng	500
20	Tuyến rạch Bà AI	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Lùng	Đến giáp ranh xã Hồng Dân (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lương Văn Xuân)	300
21	Kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Mung	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	500
22	Kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ Đất ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Vẹn (tính hai bên kinh Xáng)	300
23	Kênh Ngang	Bắt đầu từ lộ Chín Cò ranh đất ông Nguyễn Quốc Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Ông Được	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	Kênh Tư Bời	Bắt đầu từ kênh Xáng Hoà Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Phong	300
25	Kênh Vĩnh Ninh (tính 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hồ Văn Nhân	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Phương - giáp xã Hồng Dân (Tên cũ: giáp xã Lộc Ninh)	300
26	Kênh Ba Quy (tính 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hòa	Cầu Ba Quy	300
27	Tuyến Lộ Xe - Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Công Định	Đến giáp móng cầu Võ Thị Á (giáp xã Vĩnh Lộc A)	400
28	Tuyến Hai Thiệu	Bắt đầu từ cầu Hai Cát	Đến kênh Xáng Hòa Bình (đất ông Phong)	300
29	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng	500
30	Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	600
31	Tuyến đường Cột	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Nên	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Thi	300
32	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Thắng (ngã ba vào chợ)	Đến Cầu Chùa	2.550
33	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Đình	Đến hết ranh đất Bưu điện	2.550
34	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nhựt	Đến hết ranh đất ông Hòa Cuội	2.550
35	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất Ông Siêu	Đến hết ranh đất Quán nước ông Tỷ	2.550

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Ràng	Đến hết ranh đất ông Mười Hề	2.000
37	Tuyến Bến Bào về Ba Đình	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ	600
38	Tuyến Vĩnh Lộc-Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Vĩnh Lộc A cũ	Đến cầu nhà Võ Thị A (Tên cũ: Đến Giáp xã Vĩnh Lộc)	500
39	Tuyến kênh lộ xe (Bờ đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Lâm Ngọc Thi	400
40	Tuyến kênh lộ xe (Bờ Tây)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín To	Đến hết ranh đất nền đồn cũ	400
41	Sông Cá Chanh	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	300
42	Tuyến đầu Kênh Mới	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Nguyên	300
43	Kênh Sóc Sáp (tính hai bên kinh)	Bắt đầu từ trường TH Nguyễn Trường Tộ	Hết ranh ông Trần Văn Chương	300
44	Tuyến đầu Kênh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Hào	Đến hết ranh đất ông Chanh	300
45	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Văn Ba	Đến hết ranh đất Bến Luông	400
46	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Hó	Đến hết ranh đất ông Hồ Văn Bảy	400
47	Tuyến kênh 8 Lang	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Kịch	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sĩ	400
48	Tuyến kênh Giữa	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Hón	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Ba (Tên cũ: Đến hết ranh đất điểm Trường Nguyễn Trường Tộ)	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	Kênh Chuối	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đỗ Hoàng Hên	Đến giáp đất ông Đinh Văn Nguyễn	300
50	Kênh Tám	Bắt đầu từ cầu Kênh Tám	Đến giáp Kênh giữa	300
51	Kênh Bà Từ	Bắt đầu từ cầu Út Nhỏ	Đến giáp Kênh Bến Bào	300
52	Kênh Mười	Bắt đầu từ cầu Cây Khô	Đến giáp Kênh giữa	300
53	Sông Cái Tàu	Bắt đầu từ cầu Kênh 7	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Khoa	300
54	Kênh Lô	Bắt đầu từ cầu kênh Lô	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Kiệt	300
55	Ô Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất bà Phan Kim Dol	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Đèo	300
56	Ô Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất ông Ngô Văn Sáng	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Bền	300
57	Kênh Chín Hỷ	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Lâm	Đến ranh đất ông Đinh Văn Nguyễn	300
58	Đường hoàn trả ĐT.978	Bắt đầu từ ranh đất ông Huỳnh Văn Lăn	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Liên	500
59	Tuyến Nông Trường (tính cả 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Mẫn	Đến kinh Xáng Hòa Bình	300
60	Tuyến Nông Trường 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Tám	Đến hết ranh đất nhà ông Lương Văn Xinh	300
61	Tuyến Nông Trường 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đồng Văn Gon	Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Mân	300
62	Tuyến Kênh Mười Hai	Bắt đầu từ cầu 2 Thiệu	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hoàng Ven	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
63	Tuyến Vôi Lớn	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Liên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Được	300
64	Tuyến Đất Sét	Bắt đầu từ đất ông Đinh Văn Triều	Đến hết ranh đất nhà Trần Văn Núi	300
65	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			220
66	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
67	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

40. XÃ GÀNH HÀO*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ xí nghiệp Đông Lạnh (đoạn bờ kè)	Đến bến phà Rạch Cóc	1.200
2	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu giáp Đường Lê Thị Riêng (tuyến trụ sở ấp I)	Đến cầu Rạch Dước Giữa	3.200
3	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ cầu Rạch Dước Giữa	Đến ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5)	5.000
4	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5) (Nhà ông Tô Văn Bé)	Đến cầu Chà Là	5.000
5	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)	Đến bến phà Rạch Cóc	3.800
6	Đường Ngọc Điền	Bắt đầu từ giáp Lê Thị Riêng (Biên Phòng Gành Hào)	Đến ngã 4 huyện ủy	4.400
7	Đường Ngọc Điền	Bắt đầu từ ngã 4 huyện ủy	Đến sông Gành Hào	5.400
8	Đường Lê Thị Riêng	Bắt đầu từ ngã 3 Mũi Dùi	Đến Bờ Kè (giáp nhà ông Nguyễn Văn Cây)	2.400
9	Đường 19 tháng 5	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (ngã ba cây xăng Kim Tiến)	Đến đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	5.400
10	Đường 1 tháng 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (ngã ba Cảng Cá)	Đến giáp đường Ngọc Điền (cặp nhà ông Phạm Văn Đà)	2.300
11	Đường số 2	Bắt đầu từ ngã ba (Sáu Thoàng)	Đến ngã ba (nhà may Duy Phan)	2.600
12	Đường số 3	Bắt đầu từ ngã ba (nhà may Duy Phan)	Đến giáp đường Ngọc Điền (nhà Sơn hót tóc)	5.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Đường số 4	Đường hai bên nhà lồng chợ thị trấn		5.400
14	Đường số 8 (Hương Lộ)	Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (mé bên bờ kênh lộ làng)	1.200
15	Đường số 10 (lò heo)	Bắt đầu từ giáp đường Ngọc Điền	Đến Kênh Liên Doanh	1.000
16	Khu Trung tâm Thương mại thị trấn Gành Hào	Hai bên dãy nhà đối diện Lồng chợ Trung tâm Thương mại Gành Hào		6.200
17	Đường giáp ranh trụ sở UBND huyện	Bắt đầu từ giáp đường Phan Ngọc Hiển (Quán nước Điểm Hẹn)	Đến giáp đường bê tông	4.800
18	Đường đối diện nhà các hộ dân	Bắt đầu từ giáp Đường Phan Ngọc Hiển (Nhà May Thi)	Đến giáp đường bê tông	4.800
19	Đường đối diện nhà các hộ dân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Thúy	Đến hết ranh đất nhà bà Huỳnh Thị Bích	3.200
20	Đường ấp 4	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Chạy (Dốc Cầu Liên Doanh)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Sáu	1.000
21	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải Tịnh	Đến ngã tư Trụ sở cũ	1.000
22	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ngã tư Trụ sở cũ	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Chu Văn An	1.500
23	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Lụa	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Tuấn	1.000
24	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Hoàng Mến	Đến hết ranh đất nhà bà Văn Thị Bắc	1.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đọt	Đến hết ranh đất nhà ông Tiêu Phong Kim	1.000
26	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hết	1.000
27	Đường số 5	Bắt đầu từ cầu Rạch Dục ngoài	Đến đường Phan Ngọc Hiền (ngã 3 cầu Rạch Dục Giữa)	2.000
28	Đường ông Sắc (ấp 2)	Bắt đầu cách đường Ngọc Điền 30 m	Đến ranh đất nhà ông Lê Văn Hải	4.400
29	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Ngọc Bích	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Thất	800
30	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Phú	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Sáu	800
31	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Bằng	Đến ranh đất nhà bà Mai Thị Chi	800
32	Đường ấp 3 (dãy trước)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã 4 huyện ủy	1.500
33	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã huyện ủy	1.000
34	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ ngã 4 cửa hàng xe Thành Mỹ	Đến sông Gành Hào	3.600
35	Đường ấp 1 đến ấp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Cây (đường Lê Thị Riêng, điểm bờ kè tiếp giáp sông Gành Hào)	Đến Xí nghiệp đông lạnh	2.300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	Đường ấp 5	Bắt đầu từ ngã ba Mũi Dùi	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (đường hương lộ 9)	1.200
37	Đường ấp 3	Bắt đầu từ khu sản xuất tôm giống (giáp đồn biên phòng Gành Hào)	Đến kênh Liên Doanh	1.300
38	Đường ấp 4	Khu tái định cư 2ha giáp ranh Chi cục Thi hành án, Công an huyện		1.000
39	Đường 2	Bắt đầu từ Hai bên dãy nhà lồng cũ (nhà bà Nguyễn Thị Chạy và bà Trần Thị Dung)	Đến tiếp giáp bờ kè	1.700
40	Đường ấp 4 (tiếp giáp sông Gành Hào)	Bắt đầu từ tiếp giáp bến phà Tân Thuận	Đến cầu Gạch Cóc	800
41	Đường ấp 4 giáp đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ ngã 3 vật liệu xây dựng Hữu Lộc	Đến vòng xoay Cảng Cá Gành Hào	1.600
42	Đường ấp 4 giáp đường 19/5	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hồng (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	1.300
43	Đường ấp 4 giáp đường 19/5	Bắt đầu từ ranh đất bà Huỳnh Kim Hoa (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	1.300
44	Đường ấp 3 (01)	Bắt đầu từ đất ông Khuru Minh Luân (giáp đường Ngọc Điền)	Đến kênh Liên Doanh (đất ông Huỳnh Thanh Nguyên)	600
45	Đường ấp 2 (tiếp giáp dãy nhà phía sau chợ Gành Hào)	Bắt đầu từ bà Huỳnh Ngọc Liên (ngã ba đường số 12)	Đến nhà bà Trịnh Ngọc Diệp (tiếp giáp đường kênh ông Sắt)	1.600
46	Đường ấp 2 (02): 02 hẻm giáp 02 mặt hướng bắc và hướng nam của trụ sở UBND ấp 2	Bắt đầu Tiếp giáp đường số 13	Đến tiếp giáp bờ kè	1.600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Lũy	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Minh Tâm	1.100
48	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Khuôn	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Dũng (tiếp giáp đường kênh Ông Sắt)	800
49	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Ánh Phan (giáp bờ kè)	Hết ranh đất Trường tiểu học Chu Văn An	1.400
50	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cội (giáp đường 23)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Minh Đức (giáp đường số 50, đường bờ sông)	1.000
51	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đợi	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Liên (giáp đường số 28)	800
52	Tuyến đường nhà ông Bền đồn biên phòng Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến giáp đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trại sở Ấp 1 cũ	340
53	Tuyến hẻm dãy nhà khu dân cư Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến nhà ông Nguyễn Hồng Nhựt	340
54	Tuyến đường nhà ông Nguyễn Ngọc Ân Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trại sở Ấp 1 cũ	340
55	Tuyến hẻm nhà ông Ba Đức, Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường lộ Làng (trụ sở ấp 1 cũ)	Đến nhà ông Phan Văn Đức	340
56	Tuyến hẻm nhà Bà Quý, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến nhà ông Đỗ Kim Phụng	340
57	Tuyến hẻm nhà Bé Sáu Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến sau trường Chu Văn An	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
58	Tuyến hẻm nhà bà Mỹ, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu Rạch vượt ngoài	Đến sau trường Chu Văn An	340
59	Tuyến hẻm giáp bờ kè Ấp 2	Bắt đầu từ đường bờ kè Cầu Rạch vượt ngoài đến bến phà Tân Thuận	Đến nhà ông Nguyễn Văn Định	340
60	Tuyến đường nhà ông Lê Phước Dũng, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Mai Thị Kim Chi - Lê Văn Bàng	340
61	Tuyến hẻm nhà ông Trần Lợi, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiến (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường 6 Thoàng - Duy Phan	340
62	Tuyến hẻm nhà ông Nguyễn Văn Út, Ấp 2	Bắt đầu từ nhà ông Trần Lợi đến nhà ông Nguyễn Văn Mười Hai	Đến nhà ông Ngô Văn Cường	340
63	Tuyến hẻm nhà ông Huỳnh Văn Song, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiến (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường Kênh Ông Säck	340
64	Tuyến hẻm nhà trọ Phú Xuân, ấp 2	Bắt đầu từ đường Trần Ngọc Bích đến đập ông Phạm Văn Thất	Đến đường từ kênh ông Säck đến nhà ông 5 Cu Le	340
65	Tuyến hẻm nhà ông Quyền, ấp 2	Bắt đầu từ đường Đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm	340
66	Tuyến hẻm nhà ông 8 Mẫn, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Ngọc Điền	340
67	Tuyến hẻm khu tập thể giáo viên, ấp 3	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm	340
68	Tuyến hẻm, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Hồ nước cũ xí nghiệp Đông Lạnh đến ngã 4 huyện ủy	Đến giáp nhà ông Phan Minh Nhứt	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
69	Tuyến hẻm cầu Liên Doanh, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc	340
70	Tuyến hẻm Xóm Đảo Lớn, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Chà Là)	Đến nhà ông Lý Thanh Phương	340
71	Tuyến hẻm Xóm Đảo Nhỏ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Chà Là)	Đến nhà bà Hồ Kim Anh	340
72	Tuyến hẻm trụ sở ấp 4 cũ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc	340
73	Tuyến hẻm nhà ông 6 Đáng, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Chà Là)	Đến giáp đường 1 tháng 3 (đối diện TAND)	340
74	Tuyến hẻm nhà ông Đặng Văn Hải, ấp 4	Bắt đầu từ đường 1 tháng 3	Đến giáp nhà ông Đặng Văn Hải	340
75	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường Huỳnh Kim Hoa đến Lê Văn Trắng	Đến đường nhà ông Quách Văn Túc	340
76	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường 19 tháng 5	Đến đường Phan Ngọc Hiển	340
77	Tuyến hẻm khu dân cư, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Lâm Văn Đông	340
78	Tuyến đường Lô 8, ấp 5	Bắt đầu từ đường lộ 19 tháng 5	Đến giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ	340
79	Tuyến đường Kênh Chệt, ấp 5	Bắt đầu từ cầu Kênh Chệt	Đến giáp nhà ông Phạm Văn Thiều	340
80	Tuyến đường bờ Giá ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Đoàn Văn Hổ	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
81	Tuyến đường Kênh 3, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến kênh Chệt	340
Các tuyến đường khu Nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Gành Hào (đã hoàn thiện hạ tầng đường)				
82	Đường số 14A	Toàn tuyến		4.600
83	Đường số 13	Toàn tuyến		4.800
84	Các tuyến đường còn lại			2.300
Các tuyến đường khu dân cư Gành Hào				
85	Đường số 03			5.400
86	Các tuyến đường còn lại			4.800
87	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	1.600
88	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	Đến giáp ranh xã Điền Hải	900
89	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ lộ Long Hà (Cầu Khâu cũ)	Đến giáp ranh xã Điền Hải	400
90	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ giáp với lộ nhựa Khâu - Kinh Tư	Hết ranh đất nhà ba Lâm Thị Van (Vinh Hóc Ráo)	400
91	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Vinh Cậ	700
92	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Trung ương Đoàn	500
93	Ấp An Điền - Bình Điền	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến kinh 3 (giáp ranh thị trấn Gành Hào)	1.600
94	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ Phà Rạch Cóc (giáp ranh TT Gành Hào)	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)	1.400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
95	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Vinh Cậu	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	420
96	Tuyến Kinh 2 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Mười	Đến hết ranh đất nhà Ông Võ Văn Viễn	340
97	Tuyến Kinh 3 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Độ (Cầu TW Đoàn ấp Thanh Hải)	400
98	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ cầu Kinh (ấp Bình Điền)	Đến hết ranh đất trường TH Kinh I (ấp Thanh Hải)	400
99	Tuyến Hai Liêm (ấp An Điền)	Bắt đầu từ trường Tiểu Học Bình Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ Bình	340
100	Tuyến Ông Nham (ấp An Điền)	Bắt đầu từ ranh đất trại Giồng Dương Hùng	Đến cầu TW Đoàn ấp An Điền	340
101	Tuyến Nách Ông Tường	Bắt đầu từ cầu Khâu (Trạm Y Tế)	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Tòng	340
102	Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Nghị	340
103	Tuyến An Điền	Bắt đầu từ cầu Mười Chiến	Giáp ranh ấp Long Hà - Điền Hải	400
104	Tuyến Xóm Rẫy	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Sư	340
105	Tuyến Lập Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Hai Dẫn	Đến hết ranh đất nhà ông Trí Cụt	340
106	Tuyến Cây Mết	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Nhỏ	340
107	Tuyến Kinh Giữa	Bắt đầu từ cầu Trung ương đoàn Canh Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Lực	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
108	Tuyến Kênh Ngang - Vườn Chim	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Nhật Nam	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Màu	400
109	Tuyến Khai Hoang	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	340
110	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Đến hết ranh đất nhà ông Tạ Văn Thiểu	340
111	Tuyến Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn	Đến cầu Vinh Cậu (Xóm lá)	460
112	Nách ông Tường (đoạn cuối)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông La Văn Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông La Văn Bá	340
113	Tuyến Ô Rô	Bắt đầu từ cầu Trung Ương đoàn Canh Điền	Đến cầu Huyện Đoàn	340
114	Gạch Cóc - Khâu Giòng	Bắt đầu từ cầu Gạch Cóc	Đến cầu Khâu Giòng	340
115	Trường TH Trần Đại Nghĩa - BP Lam Điền	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Trần Đại Nghĩa	Đến bến phà Kênh Xáng	340
116	Lô 6 - Tập đoàn dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hội	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đạt	340
117	Cầu huyện Đoàn - BP Vàm Xáng	Bắt đầu từ cầu huyện Đoàn	Bến phà Vàm Xáng	340
118	Đồng cóc, ấp Vinh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Vui	340
119	Kênh Hội đồng Ty - Cầu Rau Muống	Bắt đầu từ kênh Hội đồng Ty	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Cự	340
120	Nách nhà ông Tường - Kênh thầy 5 Vi Rô	Bắt đầu từ cầu nách Ông Tường	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Minh Đẩu	340
121	Nhà ông 6 Màu - Nhà ông Sĩ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Màu	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sĩ	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
122	Hóc Ráng - Huy Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Xuân	Đến Huy Điền	340
123	Tuyến Bà Tham	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Hên	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hữu	340
124	Tuyến Lập Điền - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tấn Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Tăng	340
125	khu vực 11 nhà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng	Đến hết ranh đất nhà bà Vưu Thị Hương	340
126	Tuyến 7 Tho - Hăng nước đá ông Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Tho	Đến hết ranh đất Hăng nước đá ông Sơn	340
127	Kinh Trà Côn	Bắt đầu từ cầu Trà Cuôn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	340
128	Tuyến Vàm kinh Chệt - nhà ông Sơn	Bắt đầu từ Vàm kinh Chệt	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Sơn	340
129	Tuyến nhà ông 6 Sĩ - Kênh chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Sĩ	Đến bến phà Kênh Chùa	340
130	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu kênh Chùa giáp ranh xã Long Điền	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)	1.200
131	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			300
132	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			350
133	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200

41. XÃ ĐÔNG HẢI

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ấp Bửu II	Bắt đầu từ ngã tư Chợ Cống Xĩa	Đến 200m hướng về Cầu Trường Điền (hộ Mã Thanh Đoàn)	2.200
2	Ấp Bửu II	Bắt đầu từ ranh đất hộ Mã Thanh Đoàn	Đến hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm	1.300
3	Ấp Bửu II	Hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm (Tên cũ: 200m hướng về Cầu Trường Điền (Hộ Trần Văn Tâm))	Đến cầu Trường Điền	1.100
4	Ấp Bửu II	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến cầu Phước Điền	700
5	Ấp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến quý Điền (Bửu Đông)	600
6	Ấp Bửu Đông	Bắt đầu từ cống Tư Đàn	Đến đê Biển Đông	700
7	Ấp Bửu I, ấp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Hai Được	Đến giáp Lộ Xóm Lung Cái Cùng	600
8	Ấp Bửu I, ấp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Hai Được (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Lê Quý Đôn)	Đến trường THCS Lê Quý Đôn (Tên cũ: Đến giáp Lộ nhựa Bửu I)	700
9	Đường Cống Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ ngã tư Cống Xĩa	Đến 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	2.200
10	Đường Cống Xĩa - Kinh Tư	Từ 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Điền Hải)	1.100
11	Đường Cống Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ cầu qua UBND xã	Đến ranh đất nhà Ông Nguyễn Thành Được	1.100
12	Đường Cống Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Thành Được	Đến Đê Biển Đông	700
13	Ấp Bửu II, ấp Trường Điền	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến cầu Đầu Bờ	340
14	Ấp Minh Điền, ấp Trung Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền	Đến cầu Lâm Thiết-cầu Trung Điền (cũ)	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Ấp Cái Cùg-Vĩnh Điền, Bửu II, Trường Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Hậu (đê Biển Đông) (Tên cũ: Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Thịnh (đê Biển Đông))	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Điền Hải)	600
16	Ấp Bửu I, Bửu II	Bắt đầu từ ngã 4 Chợ Cống Xĩa	Đến cầu Hai Được	1.000
17	Ấp Bửu II	Bắt đầu từ ngã Tư Cống Xĩa	Đến cầu qua Ủy ban xã	1.100
18	Hòa Đông (ấp Trung Điền)	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền)	Đến giáp ranh xã Long Điền	500
19	Lộ nhựa Xóm Lung - 2 Được	Bắt đầu từ Lộ Nhựa (Cầu chữ Y)	Đến đường Giòng Nhân - Gò Cát (Tên cũ: Đến đê Trường Sơn)	340
20	Đường Đào (ấp Cái Cùg - Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Tám Hồng (cặp lộ nhựa)	Đến đê Trường Sơn	340
21	Tuyến đập đá Lầm Thiệt (ấp Bửu 1- Minh Điền)	Bắt đầu từ cầu Lầm Thiệt	Đến cầu Trường Điền	500
22	Đường Năm Lén (ấp Bửu Đông)	Bắt đầu từ cầu Năm Lén	Đến cổng Tư Đàn (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiêu)	340
23	Đường Kinh Giữa (ấp Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Kinh Giữa (ấp Bửu 1-Bửu 2)	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngô Văn Nững (Cầu nhà ông Nững)	340
24	Đường Trại mới (ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ đường Giòng Nhân - Gò Cát (Tên cũ: Bắt đầu từ đê Biển Đông)	Đến đê Biển Đông (Tên cũ: Đến cầu đê Trường Sơn)	340
25	Đường Trại mới (ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ cầu Đầu bờ (lộ nhựa)	Đến đường Giòng Nhân - Gò Cát (Tên cũ: Đến đê Trường Sơn)	340
26	Đường Giòng Nhân - Gò Cát (Tên cũ: đê Trường Sơn) (ấp Cái Cùg, Vĩnh Điền, Bửu 2, Trường Điền)	Bắt đầu Giáp ranh Kinh Xáng xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Vĩnh Thịnh)	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Điền Hải)	600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
27	Tuyến Trung Điền cũ - Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền - Bửu Đông)	Đến cầu Bà Dịu (Tên cũ: Đến giáp đường đalan nhà Ông Nguyễn Văn Chiêu)	340
28	Đường Hai Vũ	Bắt đầu từ cầu Hai Vũ	Đến cầu Kinh Ngang Hòa Đông	400
29	Tuyến Kênh Ngang - Hòa Đông	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang Lâm Thiết (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Kênh Ngan)	Đến cầu kênh ngang Hòa Đông (Tên cũ: Đến lộ Hòa Đông)	340
30	Tuyến Cầu Lâm Thiết	Bắt đầu từ cầu Lâm Thiết	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến cầu Kênh Ngan)	340
31	Tuyến Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Lâm Thiết (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiêm)	Đến cầu Phước Điền (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Văn Ký (ấp Trung Điền))	340
32	Đường Đập đá - Lâm Thiết (ấp Minh Điền - Trung Điền - ấp Bửu I)	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến hết ranh đất Trường THCS Lê Quý Đôn	400
33	Tuyến đường Ao Lớn	Bắt đầu từ cầu Ao Lớn	Đến giáp Kênh Đập Đá	340
34	Tuyến đường Kênh Giữa (2 Minh) ấp Vĩnh Điền	Bắt đầu từ cầu nhà Liễu ấp Bửu I	Đến lộ xóm Lung Cái Cù (Tên cũ: Đến cầu Đường Đào (2 Lâm))	340
35	Tuyến đường số 3 lớn ấp Bửu II	Bắt đầu từ đê Biển Đông	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thuận	340
36	Tuyến đường ruộng muối ấp Tường Điền - ấp Bửu 2 (Tên cũ: Tuyến đường ruộng muối ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ cầu UBND xã (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Đầu Bò (Nguyễn Sơn Lợi))	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà bà Lê Trúc Phương)	340
37	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ ngã ba Ngân Điền	Đến cầu Mỹ Điền	1.000
38	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến Trạm nước sạch (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông Trần Văn Út)	1.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Ấp Mỹ Điền	Từ Trạm nước sạch (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông Trần Văn Út)	Đến hết ranh đất Nhà mồ	600
40	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến cầu ông Đốc	400
41	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ ranh chợ Mỹ Điền	Đến Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu (Tên cũ: Đến Ba Ngựa ấp 1)	340
42	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Thắng	Đến Cầu nhà ông Sỹ	340
43	Ấp Mỹ Điền	Cầu Miếu Ông Tà	Cầu ông Sáng	340
44	Ấp Hiệp Điền	Bắt đầu từ công tư Đàn	Đến Đầu voi Xóm Lung	550
45	Ấp Hiệp Điền	Bắt đầu từ Cảng Bà Công (Cầu Tư Tài)	Đến mũi Giá giáp Long Điền	340
46	Ấp Hiệp Điền	Bắt đầu từ Cầu Tư Đàn (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đàn)	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến Hòa Đông - Long Điền)	340
47	Ấp 1	Bắt đầu từ Đầu voi Xóm Lung	Đến cầu Nguyễn Tri Phương (Tên cũ: Đến Rạch Bà Già)	340
48	Ấp 1	Bắt đầu từ cầu nhà Thương	Đến cầu Đốc Béc	340
49	Ấp 2	Bắt đầu từ Cầu ông Chiến	Đến cầu ông Nhài (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà máy Sáu Luôn)	340
50	Ấp 2	Bắt đầu từ Cầu Đực Thinh	Đến cầu Hai Cầm	340
51	Ấp 2	Bắt đầu từ Cầu Đực Thinh	Đến cầu Việt Trung	340
52	Ấp 3	Bắt đầu từ Đầu lộ nhựa ấp III-bên phà Việt Trung	Đến lộ nhựa ngã 3 Ngân Điền	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53	Ấp 4	Bắt đầu từ ranh Trường Tiểu học 4A	Đến hết ranh Trụ sở ấp 4 - Cầu Mũi Giá (Tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học 4B-Trụ sở ấp 4)	340
54	Ấp 4	Bắt đầu từ Cầu lộ cũ -đường Chín Tém	Đến cầu Nguyễn Tri Phương (Tên cũ: Đến Rạch Bà Già)	340
55	Tuyến 2 Phụng - Trịnh Văn Tám	Bắt đầu từ cầu Ông Phụng (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Phụng)	Đến cầu Láng Biển (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Tám)	340
56	Ấp Châu Điền - Ngân Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền	Đến ngã ba Ngân Điền	540
57	Ấp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ Ngã ba Châu Điền	Đến cầu Phước Điền	540
58	Ấp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Hai Hoành (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoành)	Đến Chà Là-Long Điền, ra cầu 6 Nghiệp	340
59	Ấp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Giao	Đến cầu ông Gân	340
60	Tuyến Xóm Chùa (ấp Phước Điền)	Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Tạ Tài Lợi (Tên cũ: Trường THCS Long Điền Đông B)	Đến cầu Châu Điền (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông 5 Chơ)	340
61	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
62	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
63	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

42. XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu vực chợ Cây Giang	Bắt đầu từ Trạm cấp nước sạch	Đến Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	2.000
2	Cây Giang - Châu Điền	Bắt đầu từ Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	Đến đầu cầu Chín Bình	1.400
3	Cây Giang - Châu Điền	Bắt đầu từ cầu Chín Bình	Đến giáp ranh xã Đông Hải	900
4	Hương lộ Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Rạch Rắn (Giáp ranh Phường 1)	Đến cầu Rạch Giồng	1.200
5	Hương lộ Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Rạch Giồng	Đến Cầu Tư Cồ	1.200
6	Hương lộ Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Tư Cồ	Đến cổng chào (giáp đất nhà ông Tô Văn Tuấn)	2.000
7	Cầu Rạch Rắn - Cầu Vịnh	Bắt đầu từ cầu cầu Rạch Rắn	Đến Cầu Vịnh	800
8	Ấp Rạch Rắn - Thạnh Trị	Bắt đầu từ cầu Vịnh	Đến kinh Xáng Hộ Phòng	700
9	Thạnh An - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Miếu Bà Thủy	Đến Cầu Đường Đào	400
10	Đường Long Điền Tiến	Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiến (giáp Giá Rai - Gành Hào)	Đến Cầu Ngã Tư	500
11	Thạnh II - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Ngã Tư	Đến Cầu Đường Đào	500
12	Hòa I - Đại Điền	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến Cầu Thanh Niên	340
13	Đại Điền - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	giáp Đường Long Điền Tiến (tên cũ: Đến Cầu Trường THCS Phan Ngọc Hiển)	340
14	Đường lộ Cây Dương A - Kênh Tư Cồ	Bắt đầu từ cầu Cây Dương (tên cũ: Bắt đầu từ cầu 5 Duyen)	Đến giáp lộ Gành Hào - Hộ Phòng	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Đường Giá Cần Bầy	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh Phường 1	340
16	Đường lộ khóm 6	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Bà Thuỷ	Đến giáp phường Hộ Phòng	340
17	Đường Chà Là	Bắt đầu từ giáp Lộ chợ Cây Giang	Đến đường cống Chín Tài	340
18	Đường Chà Là	Bắt đầu từ đường cống Chín Tài	Đến giáp xã Đông Hải	340
19	Đường lộ cũ Cây Gianng (tên cũ Đường Cầu Đình)	Bắt đầu từ giáp lộ Chợ Cây Giang	Đến giáp ranh ấp 4, xã Đông Hải	340
20	Tuyến Thọ Điền	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp co nhà Ba Trưởng	340
21	Đường GTNT Công Điền - Mười Xứ, xã Long Điền	Bắt đầu từ ngã ba 10 Xứ	Đến giáp ranh nhà Ông Bảy Xù	340
22	Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh II, xã Long Điền	Bắt đầu từ cầu Hòa Thạnh	Đến Long Điền Tiến, lộ nhựa	340
23	Tuyến Đan Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Châu Thanh Đồi	Đến Ngã 3 Sông Công Điền	340
24	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá	Đến cầu kênh Chùa ấp Cây Dương A	1.100
25	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ cống chào (nhà ông Tô Văn Tuấn)	Hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng (hai bên)	3.000
26	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng	Đến hết ranh đất Trường mẫu Giáo	4.200
27	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh đất Trường mẫu Giáo	Đến cầu Trại Sò	3.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Long Điền (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Điền Hải (Gò Cát))	3.000
29	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Long Điền (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Điền Hải (Gò Cát))	Đến hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	2.400
30	Tuyến Giá Rai-Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	1.400
31	Long Hà - Khâu (2 bên)	Bắt đầu từ đầu lộ HTX ấp Long Hà	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	600
32	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiêm	3.000
33	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiêm	Đến tiếp giáp đường Tư Cồ-chùa Linh Ứng (tên cũ: Đến đầu lộ mới)	2.400
34	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Điền	3.600
35	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Điền	Đến tiếp giáp đường Tư Cồ-chùa Linh Ứng (tên cũ: Đến tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu)	3.000
36	Kinh Tư - Khâu	Tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	1.600
37	Kinh Tư - Long Điền Đông	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai- Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ giáp Hương lộ)	Đến cầu Kinh Tư 2	2.200

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
38	Kinh Tư - Long Điền Đông	Bắt đầu từ cầu Kinh Tư 2	Đến giáp ranh xã Đông Hải (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Đông)	1.300
39	Ấp Bờ Càng - Doanh Điền	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà 5 Vinh	500
40	Ấp Bờ Càng - Doanh Điền	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà 5 Vinh	Đến hết ranh đất nhà bà Hương	400
41	Đường dự án muối	Bắt đầu từ kinh Dân Quân	Đến trạm Bơm số 3	500
42	Đê Biển Đông (Ấp Gò Cát)	Bắt đầu từ ngã 3 Chùa Linh Ứng (đê Biển Đông)	Đến giáp ranh xã Đông Hải (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Đông)	600
43	Ấp Gò Cát	Bắt đầu từ công ty Tôm giống số 1	Đến cầu Kênh Huyện Kệ	800
44	Đường dự án muối	Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến chùa Linh Ứng	600
45	Đê Trường Sơn - Gò Cát - Long Điền Đông	Từ giáp ranh xã Đông Hải (tên cũ: bắt đầu từ giáp ranh xã Long Điền Đông)	Đến giáp ranh xã Đông Hải (tên cũ: Đến kênh Huyện Kệ)	700
46	Đường Trước UBND xã Long Điền (mới)	Bắt đầu từ vòng xoay nhà ông Trục	Đến vòng xoay nhà bà Tuyết	3.400
47	Đường 2 dãy nhà thu nhập thấp (nhà ở xã hội)	Hết tuyến		2.200
48	Đường Cầu Cháy	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Diêm Điền)	Đến sông Kênh Tư - Khâu	1.800
50	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng	Bắt đầu từ giáp sông Kênh Tư - Khâu	Đến kênh Trại Sò	1.000
51	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng	Bắt đầu từ kênh Trại Sò	Đến đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Long Hà)	600
52	Ấp Gò Cát	Giáp đường Giồng Nhãn – Gò Cát (nhà ông Cao Văn An)	Giáp Đê Trường Sơn (Trạm kiểm lâm)	500
53	Ấp Gò Cát	Giáp đường Giồng Nhãn – Gò Cát	Đến nhà ông Nguyễn Văn Mười (đoạn dọc kênh Huyện Kệ)	500
54	Đường ấp Long Hà	Bắt đầu từ cầu Kênh Táo	Đến giáp đường Long Hà – Khâu (nhà ông Phùng Văn Tuấn)	380
55	Đường ấp Long Hà	Bắt đầu từ nhà ông Vũ Khánh Ninh	Đến nhà ông Trần Quang Sinh	360
56	Đường ấp Long Hà	Bắt đầu tiếp giáp đường Giá Rai – Gành Hào (nhà ông Vũ Đức Tỷ)	Đến nhà ông Trần Quang Sinh	380
57	Tuyến Đal Thạnh An (đường nhà ông Dũng)	Giáp đường ông Trương Hùng Cứ	Đến nhà ông Cao Thanh Phong	250
58	Tuyến Đal Cây Giang – Lộ cũ	Cầu giáp ấp 4 xã Đông Hải	Đến nhà ông Mã Thanh Nhân (giáp ấp Châu Điền, xã Đông Hải)	300
59	Tuyến Đal Lung Cùi – Thạnh 2	Cầu ông Nguyễn Hùng Em giáp đường Lung Cùi	Đến giáp lộ nhựa cầu Đường Đào (đường Long Điền – An Trạch)	250
60	Tuyến Đal Xóm Vịnh Thạnh Trị	Cầu Vịnh	Đến cầu từ thiện An Khang giáp ấp 4 phường Giá Rai	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Tuyến Khóm 6 – Đầu Lá	Cầu khóm 6 xóm Vườn Mía	Đến giáp cầu kênh Thổ Lác – giáp ranh phường Giá Rai	250
62	Tuyến nhà ông Cao Thanh Phong – Đầu Lá	Giáp lộ đtal khóm 6	Đường Hộ Phòng – Gành Hào	300
63	Đường ấp Phiên – Thanh 1	Giáp lộ nhựa Long Điền Tiến (Phạm Bảy Đen)	Đến nhà bà Huỳnh Như Liên	250
64	Đường nhà ông Hai Cao – Thanh 2	Giá đường Giá Rai – Gành Hào	Đến trường Tôn Đức Thắng	250
65	Đường nhà ông Trương Văn Trọng	Giáp lộ nhựa Cây Dương (cầu Đường Đào)	Đến nhà ông Mười Danh	250
66	Đường Lung Cây Xộp – Thanh Trị	Giáp lộ nhựa Thanh Trị	Giáp ấp Rạch Rắn	250
67	Đường ngang nhà Bảy Bến	Đầu lộ nhựa Thanh 2 (nhà ông Nguyễn)	Giáp Lung Cui	250
68	Đường nhà Ba Khía – Hòa 2	Nhà ông Ba Khía (đường Giá Rai – Gành Hào)	Đến nhà ông Hồ Văn Khởi – Thanh 1	250
69	Đường Kênh Bà Nguyệt – Rạch Rắn	Cầu Rạch Rắn (giáp đường Giá Rai – Gành Hào)	Giáp ấp Thanh Trị	250
70	Đường cống XiMon – Rạch Rắn	Cầu Rạch Rắn (giáp đường Giá Rai – Gành Hào)	Giáp khóm 4 phường Giá Rai	250
71	Đường nhà ông Năm Máy Đền	Giáp lộ nhựa Thanh Trị	Giáp khóm 4 phường Giá Rai	250
72	Đường nhà ông Tư Việt	Nhà ông Tư Việt	Đến cầu Bã Đầu	250
73	Đường nhà ông Ngàn – Thanh Trị	Cầu Thanh Trị	Đến giáp ấp Hòa Thạnh	250

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
74	Đường 7 Túng – Hòa Thạnh	Cầu 7 Túng	Đến giáp đường nhà ông Ba Hữu ấp Cây Giang	250
75	Đường nhà Sáu Công – Thạnh 1	Nhà ông Hồ Văn Khởi	Đến giáp lộ nhựa Long Điền – An Trạch	250
76	Tuyến lộ đan dọc kênh Huyện Kệ	Từ cầu Kinh Tư 2	Đến cầu chợ Cây Giang	250
77	Tuyến lộ đan Hoà Thạnh	Giáp đường Giá Rai - Gành Hào (cầu Hoà Trung)	Đến giáp ranh xã Đông Hải	250
78	Tuyến đường dự án thành phần số 7	Giáp ranh xã Đông Hải	Đến cầu nhà ông Ru Y (kênh Dân Quân)	250
79	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			220
80	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
81	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

43. XÃ ĐỊNH THÀNH*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Bắt đầu từ cầu Bà Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến cổng ông Thường (ấp Lung Chim)	600
2	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Bắt đầu từ cổng ông Thường (ấp Lung Chim)	Cổng Sáu Tiểu	720
3	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Cổng 6 Tiểu	Đến cổng ngang lộ (giáp đất Hai Tài, ấp Cây Thè)	650
4	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Bắt đầu từ cổng ngang lộ (giáp đất Hai Tài, ấp Cây Thè)	Đến cổng Sáu Chuẩn (Giáp ranh xã An Trạch)	650
5	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Bắt đầu Giáp đường An Trạch - Định Thành - An Phúc	Đến cầu ngã Ba Miếu	530
6	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Bắt đầu từ cầu ngã Ba Miếu	Đến cầu Tư Độ	350
7	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Bắt đầu từ cầu Tư Độ	Đến ngã ba Long Phú	350
8	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Từ cầu Tư Độ (tên cũ: Bắt đầu từ ngã ba Long Phú)	Đến nhà ông Út Dân (giáp xã An Trạch)	350
9	Tuyến Lung Xinh	Bắt đầu từ Cổng Sáu Tiểu	Đến cầu bà Xĩa (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dấu)	300
10	Tuyến Lung Xinh	Bắt đầu từ cổng chào ấp Lung Xinh	Đến Cổng chào ấp Cây Thè	300
11	Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ cầu ngã Ba Miếu (tên cũ: Bắt đầu từ Thánh tịnh Hắc Long Môn)	Đến Cầu Hai Sang ấp Cây Giá	360
12	Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Toàn	Đến trụ sở Ấp Lung Chim	360

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Tuyến Kinh Xáng - Chòi Mòi	Bắt đầu từ Cầu Ba Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến Cầu xã Thàng (Ngã ba Long Phú)	350
14	Tuyến Trạm cấp nước - Xóm chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ giáp đường An Trạch - Định Thành - An Phúc	Đến tiếp giáp tuyến Xóm chùa - Lung Chim (Nhà ông Lê Văn Toàn đến trụ sở ấp Lung Chim)	700
15	Kinh Xáng Cống	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Nhạc-ấp Lung Rong (Giáp ấp 4, xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau)	Đến ngã 3 Đầu Xáng cống, ấp Kinh Xáng	520
16	Đường Lung Lá - Cây Sộp, xã Định Thành A	Bắt đầu từ UBND xã Định Thành A	Đến cầu BT (Ngã 3 Cây Sộp)	370
17	Tuyến Đầu Xáng Cống - Phan Mầu - Cái Xu	Bắt đầu kênh Xáng Cống	đến nhà ông Ba Nhạc	360
18	Tuyến kênh Sáng - kênh Ngang	Bắt đầu từ Đầu Kênh Sáng	Đến hết Kênh Ngang	330
19	Tuyến kênh Phan Mầu - Lung Lá	Bắt đầu từ đầu Cầu Phan Mầu	Đến rạch Lung Lá	320
20	Tuyến rạch Láng Xéo	Bắt đầu từ Cầu Lung Rong	Đến Cầu Hùng Liễu	330
21	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	720
22	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	Đến Cầu Bà Tòa	600
23	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ Cầu Cái Keo	Đến Vàm Xáng	600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	Tuyến An Phúc - Định Thành ĐH.55	Bắt đầu từ cầu Cái Keo	Đến cầu Hai Miên	600
25	Tuyến An Phúc - Định Thành ĐH.56	Bắt đầu từ cầu Hai Miên	Đến cầu Xã Thàng	375
26	Tuyến Đông Cái Keo	Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	340
27	Tuyến Đông Cái Keo	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	Đến hết kênh Huyện Tịnh (tên cũ: Đến Nhà ông Trần Liên An)	280
28	Tuyến Xã Thàng - Mười Chì	Bắt đầu từ cầu Xã Thàng	Đến ranh đất ông Trần Văn Sơn	280
29	Tuyến Xã Thàng - Mười Chì	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sơn	Cầu Mười Chì	375
30	Đường Kênh Đê xã An Phúc	Bắt đầu từ cầu Rạch Bần	Đến kinh 773 Phước Thắng	375
31	Vàm Sáng - 6 Thước	Bắt đầu từ đường nhựa ĐT.982	Đến kênh Sáu Thước	280
32	Kênh Hai Nhiệm	Bắt đầu từ Cầu Phước Thắng A	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hồng Thanh	280
33	Kênh Hai Nhiệm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Năm	Đến ranh đất nhà ông Tống Văn Thái	250
34	Kênh số 1	Bắt đầu từ ranh trường THCS Lương Thế Vinh (Điểm lẻ - ấp Minh Thìn)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lược	280
35	Cống Đá	Bắt đầu từ Cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Linh	280
36	Cựa Gà (Đường An Phúc - An Trạch: ĐH.53)	Bắt đầu từ Cầu Cựa Gà	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thúc (giáp xã An Trạch)	280

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Tuyến Khúc Chéo - Giếng Sen - 5 Quờn	Bắt đầu từ Cầu Khúc Tréo	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quờn	280
38	Kênh Gốc Khai	Bắt đầu từ Cầu Gốc Khai	Đến Chùa Lá (Tên cũ: Đền Cầu Ba Hòa)	375
39	Lung Su	Bắt đầu từ Cầu Lung Su	Đến kênh Nhà nước (giáp xã An Trạch)	280
40	Ngã Tư Lung Su - Kênh số 1	Bắt đầu từ Cầu Hội Đồng Hương	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khởi	280
41	Lợi Điền	Bắt đầu từ Cầu Lợi Điền	Đến bến phà ông Trần Văn Hiền	280
42	Ngã Tư Lợi Điền - Kênh số 1	Bắt đầu từ Cầu Bắc Lợi Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Quấn	375
43	Tuyến Láng Xéo (ấp Lung Rong)	Bắt đầu từ cầu Miếu ông Tà	Đến nhà ông Nguyễn Văn Tài	280
44	Tuyến ấp Lung Lá	Bắt đầu từ cầu Ba Chuôi	Đến nhà ông Chín Tươi (ấp Lung Lá)	280
45	Ấp Phan Màu, Lung Lá	Bắt đầu cầu ông Bảy Tấn (ấp Phan Màu)	Đến nhà ông Cao Minh Chánh (ấp Lung Lá)	280
46	Tuyến đường kênh Xáng	Bắt đầu cầu ánh sao (ấp kênh Xáng)	Đến nhà ông Phú Quốc Thới	300
47	Tuyến đường ấp Hòa Phong	Bắt đầu từ nhà ông Phạm Thành Nhung (ấp Hòa Phong)	Đến nhà ông Nguyễn Thanh Hồng	250
48	Đường Bà Tòa	Bắt đầu giáp đường nhựa ĐT 982	Đến cầu kênh Ngang	280
49	Bảy An	Bắt đầu giáp đường nhựa ĐT 982	Đến nhà ông Nguyễn Văn Chiến	280
50	Phạm Thế Hùng	Bắt đầu đất ông Huỳnh Văn Thum	Đến nhà bà Tạ Thị Lợi	280

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51	Tuyến Lung Chim- Chòi Mòi	Bắt đầu trụ sở ấp Lung Chim	Đến giáp lộ ĐT982	300
52	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			220
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

44. XÃ AN TRẠCH

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ấp Thành Thường-Thành Thường A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Luyến giáp lộ nhựa tuyến An Trạch - Định Thành	Đến cầu Vàm Bộ Buối (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng (Vàm Bộ Buối))	600
2	Ấp Văn Đức A-Văn Đức B (tên cũ: Văn Đức A-Văn Đức B-Anh Dũng)	Từ kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tính	Đến cầu Chiêu Liêu (tên cũ: Đến hết ranh trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh)	400
3	Ấp Văn Đức B - Anh Dũng	Từ cầu Chiêu Liêu	Đến kênh Chín Cẩn	350
4	Ấp Văn Đức B Hoàng Minh A-Hoàng Minh	Từ cầu Chiêu Liêu (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng)	Đến cầu Bàu Chứa (Rạch Bàu Chứa) (tên cũ: Đến hết ranh trường Tiểu học Hiệp Thành (Hoàng Minh))	400
5	Ấp Văn Đức A-Văn Đức B-Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đến kênh Điền Cô Ba	300
6	Ấp Hoàng Minh A	Bắt đầu từ cầu Chiu Liêu (tên cũ: Bắt đầu từ cầu nhà bà Tạ Thị Gấm)	Đến kênh Hiệp Thành	300
7	Ấp Thành Thường-Văn Đức A	Bắt đầu từ đầu đường Thành Thường - Thành Thường A (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Ca Thị Bảnh)	Đến giáp ranh Cây Thẻ, xã Định Thành	700
8	Ấp Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ngã Ba ấp Anh Dũng	Giáp lộ nhựa 3,5m Thành Thường - Thành Thường A	300
9	Đường GTNT Văn Đức A, xã An Trạch	Bắt đầu từ giáp lộ nhựa 3m5 (Nhà ông Tạ Văn Sáng)	Đến Ấp Lung Xinh	400
10	Đường liên ấp Thành hường B đến ấp Thành Thường C	Bắt đầu từ cầu Vàm Bộ Buối (ấp Thành Thường B)	Đến cầu Kênh Bảy Gõ (ấp Thành Thường C)	600
11	Đường liên Ấp Thành Thường B đến ấp Ba Mến	Từ Đình Nguyễn Trung Trực (Thành Thường B)	Đến cầu ngã ba Kênh Tây (Ba Mến)	500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	Ấp 1, Đường kênh Giáo Quang	Bắt đầu từ Trường Tiểu Học Giáo Quang	Đến Cầu 10 Nghía	400
13	Đường liên ấp Ba Mến đến Ấp 2	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã	Đến kênh nhà nước	400
14	Ấp 2, Kênh Nhà Nước	Bắt đầu từ kênh 6 Thước (Nhà ông Lý Văn Mến)	Đền cầu Láng Đước (Nhà ông Võ Văn Lén)	300
15	Ấp Ba Mến đến ấp Quyết Chiến, Quyết thắng	Bắt đầu từ cầu Họa Đồ (tên cũ: Bắt đầu từ Đầu Họa Đồ)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến Xóm Trà Thê, Gạch ông qua Trường học Kênh Xáng)	400
16	Tuyến Kênh Xáng Hộ Phòng - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh Khóm 3 - phường Giá Rai	Đến Cây Xăng Ấp 2	500
17	Đường GTNT Vàm Bộ Buổi - Kênh Tây, xã An Trạch A	Bắt đầu từ Lộ nhựa	Đến cầu Kênh Tây	400
18	Tuyến Kênh Giữa	Bắt đầu từ Lộ đan giáp đường bê tông 3,5 mét	Đến cầu Gạch Ong (tên cũ: Đến nhà ông Đường Văn Thừa)	400
19	Chệt Khọt - Bùng Binh - Giá Rít	Bắt đầu từ Cầu Chệt Thọt	Đền cầu Gia Rít (tên cũ: Đền Nga Ba nhà ông Lê Minh Đáng, nhà ông Huỳnh Văn Tánh)	400
20	Đường Ấp Quyết Thắng	Bắt đầu từ Cầu Giá Rít	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào	
21	Tuyến Gạch Ong - Trà Thê	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Nghiệp	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc)	300
22	Ấp Thành Thường B, kinh Lung Nhất	Từ đường liên ấp Thành hướng B đến ấp Thành Thường C (tên cũ: Bắt đầu từ nhà bà Trần Bé Hai)	Đến hết đường kênh Lung Nhất (tên cũ: Đến nhà ông Đào Văn Khởi)	300
23	Ấp Ba Mến A, Phía Bắc Kinh Tây	Bắt đầu từ cầu kênh Tây (tên cũ: Bắt đầu từ Nhà ông Nguyễn Văn Khởi)	Đến cầu trước UBND xã (tên cũ: đến Nhà bà Nguyễn Thị Chín)	300
24	Ấp 1, Kinh Sáu Thước Nhỏ	Bắt đầu từ cầu Mười Nghía (tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Cuôi)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà bà Lê Ngọc Thắm)	300
25	Ấp 1, kinh Ba Tỉnh	Từ cầu Vàm Ba Tỉnh (tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Đào Văn Út)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc)	300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	Ấp Quyết Chiến, Kinh Ba Tỉnh	Bắt đầu từ Đường liên ấp Ba Mến đến Ấp 2 (tên cũ: Bắt đầu từ lộ Giáo Quan)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc)	300
27	Ấp 2, kinh Trà Ké	Từ đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Dương)	Đến nhà ông Lê Văn Chinh	300
28	Ấp 2, Kinh Thanh Niên	Bắt đầu từ kênh Thanh Niên Lớn tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Cường	Đến hết kênh Thanh Niên Nhỏ (tên cũ: Đến nhà ông Võ Văn Cận)	300
29	Ấp Ba Mến	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Nghét - sửa: Từ Cầu Họa Đồ	Đến nhà ông Huỳnh Văn Rợ nối dài ấp Thành Thưởng B	300
30	Ấp Ba Mến, tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ cầu kênh Cùng	Đến nhà bà Già Thị Ảnh	300
31	Tuyến Văn Đức A- cầu Cây Ổt	Ngã 3 Nguyễn Thanh Bình	Cầu Cây Ổt	300
32	Tuyến Kinh Cùng ấp Thành Thưởng A	Từ cầu Kênh Cùng	Đến hết đường	300
33	Tuyến Bào Chứa – Lung Lá	Từ cầu Bào Chứa	Đến giáp ranh xã Định Thành	280
34	Tuyến Vườn Cò – Lung Lá	Từ cầu Bào Chứa	Đến giáp ranh xã Định Thành	280
35	ấp Ba Mến A – Xóm Giữa	Từ cầu treo (kênh Điền Cô Ba)	Cầu Vàm Bộ Buổi	280
36	Tuyến kênh Láng Chảo	Từ cầu Láng Chảo	Đến kênh Máng Dơi	280
37	Tuyến kênh Thà	Từ cầu Khúc Tréo	Đến cầu Hữu Nghị	300
38	Ấp Ba Mến A, Phía Nam Kinh Tây	Từ UBND xã	Đến cầu Kinh Tây	400
39	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
40	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
41	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

45.Xã Hòa Bình

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Lê Thị Riêng (Trung tâm chợ)	Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến cầu Hoà Bình 2 (Phía TT thương mại)	7.800
2	Đường Lê Thị Riêng (Trung tâm chợ)	Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến hết Cầu Hoà Bình 2 (Phía nhà 2 Nghiêm)	7.800
3	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Cái Tràm (Giáp ranh H. Vĩnh Lợi))	Đến đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hồng Đông)	4.400
4	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hồng Đông)	Đến đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	6.200
5	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	Đến đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	6.800
6	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	Đến cầu Địa Chuối	6.200
7	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ qua cầu Địa Chuối	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B)	4.100
8	Hẻm 1 (Đường nhà ông Đoàn Thanh Bắc)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu- Cà Mau	500
9	Đường Nhạc Khị (đường vào Láng Giải)	Quốc lộ 1A lộ dưới	Đến cầu Láng Giải	700
10	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ trụ sở ấp Láng Giải	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (xã Minh Diệu cũ)	500
11	Đường Nguyễn Trung Trực (đường vào Láng Giải A)	Quốc lộ 1A lộ trên	Đến cầu Láng Giải	700
12	Hẻm 3 (nhà ông Suốt)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu - Cà Mau	500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Đường 30/4 (đường Trại tạm giam)	Quốc lộ 1A	Đến trại tạm giam	1.400
14	Đường Trần Huỳnh	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1.400
15	Đường Trần Huỳnh (Nội Ô Khu Dân Cư)	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1.400
16	Đường cấp Huyện Ủy	Quốc lộ 1A	Đến chùa cũ	1.200
17	Đường Lê Quý Đôn (Đường Trg. Tiểu học Hòa Bình A)	Quốc lộ 1A	Đến Bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1.400
18	Hẻm 2 (Lộ nhà ông Tư Thắng) ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Kênh Chùa cũ- Hẻm nhà ông Thầy Ngô Hán Uý	500
19	Đường Trần Văn Lắm - Đường Sân vận động (ấp thị trấn A)	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông kênh Xáng Bạc Liêu- Cà Mau	1.000
20	Hẻm 4 (Lộ tẻ cặp Bưu Điện) ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Lợi	700
21	Đường cấp Hội Đông Y cũ ấp thị trấn A	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	1.200
22	Hẻm 6 (Hẻm Phòng Tài chính cũ) Ấp thị trấn A1	Bắt đầu từ phòng Tài chính cũ	Đến hết ranh đất nhà ông Quận	500
23	Hẻm 8 (Đường nhà ông Bùi Huy Chúc) Ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến kênh Chùa cũ	500
24	Hẻm nhà bà Ky	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Trường	500
25	Hẻm 10 (Đường Hoà Bình-Minh Diệu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Chấn	Đến giao lộ	1.000
26	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)	Quốc lộ 1A (Đèn xanh đèn đỏ)	Đến giao lộ	3.600

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
27	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)	Bắt đầu từ giao lộ (ngã ba nhà ông Hào)	Đến cầu Hàng Bần	2.200
28	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)	Cầu Hàng Bần	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Minh Diệu)	1.200
29	Đường 19/5 (Đường quây hàng Thanh niên)	Quốc lộ 1A	Đến kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	4.800
30	Đường 1/5 (Đường chợ giữa)	Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Quý (Quốc lộ 1)	Đến cổng chợ mới	4.800
31	Hẻm 7 (Đường nhà Bác sĩ Lầu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bác sĩ Lầu (Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Phước (lộ Kênh Xáng CM-BL)	500
32	Hẻm 9 (Đường cặp Chùa Mới) Ấp thị trấn B	Quốc lộ 1A	Đến kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	500
33	Đường cặp Bệnh Viện	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Tươi	700
34	Hẻm 12 (Cầu Đĩa Chuối) Ấp thị trấn B1	Quốc lộ 1A	Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B)	400
35	Hẻm 16 (Đường nhà ông Bành Út)	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Phước	400
36	Đường 3/2 (Đường cặp Kênh Xáng)	Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình	Đến chùa Hòa Bình mới	1.100
37	Đường 3/2 (Đường cặp Kênh Xáng)	Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình	Đến sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)	1.100
38	Đường 3/2 (Đường cặp Kênh Xáng)	Bắt đầu từ sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)	Đến hết ranh Khu Dân Cư ven sông	800

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Đường 3/2 (Đường cặp Kênh Xáng)	Bắt đầu hết ranh Khu Dân Cư ven sông	Đến vựa cát đá ông Hiệp	600
40	Đường Nhà Ba Công	Bắt đầu từ ranh đất trường mầm non Hoa Hồng	Đến đường Trần Huỳnh (Nhà Sáu Giáo)	1.000
41	Lộ giáp đường Trần Huỳnh	Bắt đầu từ ranh đất nhà Hai Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Công Giả	600
42	Đường nhà ông Liêu Tài Ngoánh	Bắt đầu từ sân vận động	Đầu lộ vào chợ Hòa Bình (nhà ông Bắc)	700
43	Bảy Tập Kết	Bắt đầu từ sông kênh Xáng Bạc Liêu Cà Mau	Đến hết ranh đất nhà ông Cao Cũ	700
44	Đường Đông Thắng	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Nhân	500
45	Đường Cựa Gà	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ	400
46	Lộ nhà ông Phước	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Một	500
47	Đường nhà ông Năm Thanh (DH15)	Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến hết ranh đất Ấp thị trấn A1	600
48	Đường nhà ông Năm Thanh (DH15)	Bắt đầu hết ranh đất Ấp thị trấn A1	Đến cầu Đoàn Thanh Niên Láng Giài	500
49	Tuyến đường sau chùa cũ	Bắt đầu từ cầu Sơn Lợi	Đến chùa cũ	400
50	Đường Chùa cũ- Láng Giài	Bắt đầu từ cầu Lâm Út	Đến đường Nhạc Khị (Láng Giài)	700
51	Ấp Thị trấn B	Bắt đầu giáp đường 3/2	Đến hết ranh đất nhà ông Lượ (QL1)	500
52	Đường vào trụ sở Ấp thị trấn B	Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến trụ sở ấp thị trấn B	1.000

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53	Hẻm cặp nhà ông Hai Nghiêm	Bắt đầu giáp đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất nhà bà Diệp	500
54	Đường bờ nam kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Thạnh cũ (huyện Vĩnh Lợi)	Đến kênh 6 Tập (xã giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A)	700
55	Đường kênh 30/4	Bắt đầu từ ranh đất Trại cây Năm Hiễn	Đến Ấp Toàn Thắng - Vĩnh Hậu	600
56	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu từ cầu Hoà Bình 2	Đến hết ranh đất điện lực	3.600
57	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu hết ranh đất Điện Lực	Đến Đập Cây Trương (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A)	1.400
58	Đường Phan Thị Tư (Lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A cũ)	Bắt đầu từ ngã ba đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	2.400
59	Đường Phan Thị Tư (Lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A cũ)	Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	Đến giáp ranh ấp Châu Phú (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A)	1.200
60	Ấp Chùa Phật	Bắt đầu từ cầu Dương Châu	Đến kênh ông Bầu	500
61	Tuyến Xóm Chạy	Bắt đầu từ lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Xưa	500
62	Rạch Miếu Bà	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm	Đến kênh Cái Phóc	500
63	Kênh 18 Thước (ấp Thị trấn A1 ấp Láng Giài)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cô Hạnh	Đến hết ranh đất nhà Cô Ba	360
64	Kênh 18 Thước (ấp Thị trấn A1 ấp Láng Giài)	Bắt đầu từ kênh 18 thước	Đến giáp ấp 21, xã Minh Diệu	340
65	Tuyến đường Ấp Láng Giài A - giáp Long Thạnh (Tên cũ: Tuyến đường Ấp Láng Giài A - giáp xã Long Thạnh)	Bắt đầu từ nhà ông Sáu Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Quý	340

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Khu Trung Tâm Thương Mại			
66	Đường số 01	Quốc Lộ 1A	Cuối đường	6.000
67	Đường số 02	Quốc Lộ 1A	Cuối đường	6.000
	Khu dân cư lò gạch			
68	Đường số 27	Giáp đường Trần Huỳnh	Cuối đường	1.500
69	Đường số 28	Giáp đường Trần Huỳnh	Cuối đường	1.500
70	Các đường nội bộ trong dự án			1.500
	Khu dân cư ven sông			
71	Đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Quốc Lộ 1A	Bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	2.300
72	Đường số 1	Giáp đường số 4	Hết ranh lô B15	1.500
73	Đường số 2	Giáp đường số 4	Giáp đường số 3	1.500
74	Đường số 3	Giáp đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Giáp đường số 1	1.500
75	Đường số 4	Giáp đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Hết ranh lô C08	1.500
76	Đường số 5	Giáp đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Giáp đường 3/2	1.500
77	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu ông Nghĩa	600
78	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Bánh Bò	600

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến hết ranh đất Trg. Tiểu học Vĩnh Mỹ A1	500
80	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Miếu Thành Hoàng	540
81	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến nghĩa địa Phước Hải	540
82	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến Chùa Hưng Mỹ Tự	500
83	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến ngã 3 hết ranh đất nhà ông Độ	540
84	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Ông Sang	500
85	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu ông Sang	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh)	400
86	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu 6 Tập	Đến nghĩa địa Phước Hải	600
87	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Tào Lang	500
88	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến cầu rạch Vĩnh	400
89	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu rạch Vĩnh	Đến cảng cầu cảng Bà Cồng	400
90	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu rạch Vĩnh	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh)	340
91	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Sáu Tập (ấp 15a)	Đến ngã Ba Xóm Lung	600

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Vĩnh Mỹ A 2	Đến giáp ấp Vĩnh Bình- Xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ấp Vĩnh Bình- Xã Vĩnh Thịnh)	400
93	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh)	420
94	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã Ba Cầu treo (Tên cũ: Bắt đầu từ ngã Ba nhà ông Ruộng)	Đến nhà thờ ấp Châu Phú	420
95	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh Bò (Tên cũ: Bắt đầu từ ngã 3 nhà ông Quân)	Đến nghĩa địa Đất Thánh (hết ranh đất ông Lê Văn Lâm)	340
96	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu 5 Đầu	Đến cầu Ngọc Thanh 2 (Tên cũ: Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến)	340
97	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến Salaten Vĩnh Tân (Tên cũ: Đến ranh đất nhà ông Tăng Bảy)	340
98	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu ông Rắn	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	340
99	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Ông Vạn	Đến giáp kênh Vĩnh Thành	340
100	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang (ấp Vĩnh Tiến)	Đến cầu kênh Ngang (ấp Vĩnh Tân)	340
101	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Châu Phú	Đến cầu Ông Rắn (Tên cũ: Đến giáp ngã ba kênh ông Liếm)	340
102	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu ông Tuấn	Đến lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A	540
103	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến cầu ông Nghĩa	500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
104	Ấp Vĩnh Tiến	Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh bò (Châu Phú)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Phần	340
105	Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A	Bắt đầu từ cầu Cái Hươu Một (cầu 5 Thanh) (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu 5 Thanh)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến	340
106	Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A	Bắt đầu từ cầu Cái Hươu Một (cầu 5 Thanh) (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu 5 Thanh)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Hoàng Dũng	340
107	Ấp Vĩnh Tân	Bắt đầu từ cầu Ông Rắn	Đến hết ranh đất nhà ông Tăng Bảy	340
108	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Cái Hươu	Đến cầu 3 Chư	400
109	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	340
110	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung (Tu muối củ)	Đến cầu Cây Vong	400
111	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến giáp ngã 3 kênh Tào Lang - kênh 5 Đầu	340
112	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất của ông Nguyễn Công Khanh	340
113	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Bà Thở	Đến cầu ông 5 An	340
114	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 3 Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Vui	340
115	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu ông Nghi	Đến cầu Đám Lá	340
116	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Út Lác	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Thái	340
117	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Bà Lan	Đến hết nhà ông Hùng	340

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
118	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 4 Chà	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Trang	340
119	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Đập Cây Trương (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh thị trấn Hòa Bình)	Đến Cầu Lung Lớn	1.400
120	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)	Bắt đầu từ cầu Sập (Cầu Dàn Xây)	Đến ngã 3 Huy Liệu	4.100
121	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)	Bắt đầu từ ngã 3 Huy Liệu	Đến ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	3.200
122	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	Đến cầu Cái Tràm	4.100
123	Đường ven Kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau bên Quốc Lộ 1 (trừ các tuyến đường đã có giá)	Bắt đầu từ cầu Sập	Đến cầu Cái Tràm (giáp ranh huyện Hòa Bình)	740
124	Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến trạm Y tế xã Long Thành cũ (Tên cũ: Đến trạm Y tế xã Long Thạnh)	1.800
125	Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa (đoạn bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh đến giáp ranh huyện Hòa Bình cũ, theo địa giới hành chính xã Hòa Bình))	Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thành cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh)	Đến cầu Bảy Phát (Tên cũ: Đến đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng)	1.400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
126	Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa (Lộ rẽ bờ sông Cầu Sập))	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Qũy tín dụng)	Đến cây xăng Minh Hoàng	1.000
127	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	900
128	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	Đến hết đường hiện hữu (Tên cũ: Đến hết ấp Trà Khứa (Nhà ông Châu))	700
129	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến cầu Bà Thuận	500
130	Lộ Béc Hen Lớn - Tân Long - Tràm Một	Bắt đầu từ giáp ranh phường Bạc Liêu (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh phường 8, thành phố Bạc Liêu)	Đến công Cầu Sập	900
131	Lộ Béc Hen Lớn - Tân Long - Tràm Một	Bắt đầu từ công Cầu Sập (ngã tư đường)	Đến giáp xã Châu Thới	700
132	Lộ Béc Hen lớn-Cây Điều	Bắt đầu từ công Cầu Sập	Đến cầu 5 Râu	500
133	Đường Cái Tràm A2- P.Thạnh 2	Bắt đầu từ cái Tràm A2 (Miếu Bà)	Đến sông Dàn Xây	700
134	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đình Tân Long	600
135	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Đình Tân Long	Đến chùa Ông Bồn	400
136	Lộ Bàu Rán	Bắt đầu từ cầu 7 Cung	Đến Chợ Cái Tràm (QL1)	400
137	Lộ Bàu Rán	Bắt đầu từ công 7 Phát	Đến ngã tư 7 Lốc	500
138	Lộ Thới Chiến	Bắt đầu từ cầu Ông Khém	Đến cầu Thanh Niên	500
139	Đường Béc Hen Nhỏ - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Nhà văn hóa ấp Béc Hen Nhỏ	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
140	Đường Béc Hen Nhỏ - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ Nhà văn hóa ấp Béc Hen Nhỏ	Đến cầu Bà Thủy	400
141	Lộ nhánh nhà ông Trương Văn Nói	Bắt đầu từ Lộ Năm Cua - Cầu Sập	Đến giáp lộ rẽ bờ sông Cầu Sập	900
142	Lộ Cái Tràm A1 (song song QL1)	Bắt đầu từ trường Tiểu học	Đến chùa Ông Bồn	600
143	Đường nhánh Cái Tràm A1- Phước Thạnh 1	Các Tuyến đường nhánh từ Quốc Lộ 1	Đến sông Bạc Liêu	700
144	Đường Phước Thạnh 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà ông Nguyễn Thành Thiệt)	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Dừa	700
145	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Phước	400
146	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ cầu Ông Phước	Đến kênh 8 Thước (PT2)	340
147	Đường Long Hà (Cái Tràm 2)	Bắt đầu từ cầu Nguyễn Thành Ký	Đến giáp ranh Hòa Bình	400
148	Đường Dàn Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tho	Đến kênh 8 thước (đất ông Phan Thanh Bình)	400
149	Đường kênh ông Cấn	Bắt đầu từ cầu ông Cấn	Đến kênh 8 Thước (Nhà bà Lê Thị Kim Ba)	400
150	Đường Cây Điều Tràm Một (Tên cũ: Đường Cây Điều)	Bắt đầu từ cầu 5 Râu	Đến cầu Miếu Bà (Tên cũ: Đến nhà ông Lê Văn Ngừa)	400
151	Đường Béc Hen Nhỏ - Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu bà Thuận	400
152	Đường Tân Long - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu 6 Tùng	Đến hết đường hiện hữu (Đất nhà ông Trương Lý Thạnh) (Tên cũ: Đến cầu ông Rê)	460

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
153	Đường Tân Long - Hòa Linh (2 bên) (Tên cũ: Đường Tân Long - Hòa Linh)	Bắt đầu từ cổng 6 Lợi	Đến cầu 7 Cung	460
154	Đường Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ ngã tư Bảy Lốc	Đến cầu 7 Cung	460
155	Đường Hòa Linh	Bắt đầu từ chợ Cái Tràm	Đến cầu ông Huỳnh	400
156	Đường Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu ông Rê	Đến cầu ông Hường	460
157	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Tách	Đến hết ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	400
158	Lộ Kênh bà Hai Sinh	Bắt đầu từ Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa)	Đến nhà ông Ngô Hoàng Oanh	400
159	Lộ Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ cầu ông Huỳnh	Đến cầu Ông Hiền	400
160	Lộ Cây Điều - Tràm Một	Bắt đầu từ Cầu Miếu (Tên cũ: Bắt đầu từ Cầu Út Đèo)	Đến cầu ông Liêm	340
161	Lộ kênh 8 Thước	Bắt đầu từ lộ Dàn Xây (nhà ông Phan Thanh Bình)	Đến đường Cái Tràm A2	340
162	Kênh Hàng Bần	Nhà bà Son	Đầu kênh 18 thước	350
163	Kênh hàng bần	Đầu kênh 18 thước	Đến giáp ranh ấp 21, xã Minh Diệu cũ	300
164	Đường trụ sở Ấp thị trấn A1	Từ trụ sở Ấp thị trấn A1	Đến nhà ông Hải	400
165	Đường nhà Ông Hiệp (vừa cát đá Ông Hiệp)	Quốc lộ 1A	Đến kênh xáng CM - BL	1.200
166	Đường kênh Chùa nhỏ (phía đông)	Giáp đường Phan Thị Tư	Đến Cầu Dương Châu (Kênh xáng CM - BL)	450

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
167	Đường Cặp Chùa cũ	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Tươi)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ(Nhà Ông Rô Be	400
168	Đường rạch miếu Bà	Đầu kênh Cái Phóc	Đến kênh cô tuyết (giáp Vĩnh Hậu)	300
169	Đường Trần Văn Lắm	Giáp đường Trần Văn Lắm (nhà bà Thu Ao làng)	Đến ranh đất nhà Ông Bao	400
170	Đường 3/2 (gần Chợ Hoà Bình)	Giáp đường 3/2 (nhà Bà Hải)	Đến ranh đất nhà Ông Danh	300
171	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Cô Sao Mai)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Ông Thuận)	300
172	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Lâm Cường)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà bà Huôl)	300
173	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Thạch Du)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Ông Lâm Thiên)	300
174	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Thoang)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Bà Jiếp)	300
175	Đường Trần Văn Hộ	Giáp đường Trần Văn Hộ (nhà Ông Lý Phường)	Giáp hẻm 10 (Nhà Ông Giang)	500
176	Đường Trần Văn Hộ	Giáp đường Trần Văn Hộ (nhà Bà Loan	Giáp hẻm 10 (Nhà Bà Quệt)	500
177	Quốc lộ 1A (ấp Thị Trấn B)	Giáp QL 1A (nhà Ông Danh)	Đến ranh đất nhà Ông Ngô Long	1.000
178	Quốc lộ 1A (ấp Thị Trấn B)	Giáp QL 1A (nhà Ông Côn gần Bến xe Mỹ nhung)	Đến ranh đất nhà Ông Út Hiền	1.000

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
179	Đường Trần Văn Hộ	Giáp đường Trần Văn Hộ (nhà ông Thắng)	Đến ranh đất nhà Ông Vững	600
180	Hẻm 9 (Cặp Chùa Mới)	Giáp Hẻm 9 (nhà Ông Hiếu)	Đến hết ranh đất nhà Ông Quang	500
181	Quốc lộ 1 A (ấp Thị Trấn B1)	Giáp QL 1A (nhà Ông Chí Hùng)	Đến hết ranh đất bà Sậy	500
182	Đường kênh hàng bần (phía Bắc)	Từ ranh đất nhà Ông Tùng	Đến hết ranh đất nhà Ông Lai	300
183	Đường kênh Chùa nhỏ	Giáp đường Phan Thị Tư (Cầu Ông ruộng)	Đến ranh đất Vĩnh Mỹ A cũ (nhà Tạ Việt Thái)	500
184	Đường ông Cơ	Từ cầu ông Thạnh (giáp kênh 30/4)	Đến cầu Thanh Niên (kênh Quốc Trường)	280
185	Đường lòng chảo	Đầu cầu nhà bà Hào	Ranh đất nhà ông Ái	300
186	Đường Trường Trung học cơ sở	Giáp Đường Trần Văn Hộ	Đến Trường Trung học cơ sở	1.500
187	Đường cặp nhà gỗ xưa	Giáp Đường Phan Thị Tư	Đến ranh đất nhà ông Phạm Văn Huôi	280
188	Đường qua cầu nhà thờ Tin Lành	Giáp Đường Phan Thị Tư	Đến ranh đất nhà ông Dương Đức Thắng	280
189	Đường nhà ông Lý Thanh Phúc	Bắt đầu ranh đất nhà ông Lý Thanh Hiếu	Đến hết ranh đất nhà ông Trang Chí Linh	280
190	Đường kênh 5 Hùng (ấp Cái Tràm B)	Giáp đường kênh 30/4	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Chiến	280
191	Đường kênh quốc trường (ấp Cái Tràm B)	Giáp đường kênh xáng Cà Mau- Bạc Liêu	Ngã tư đường ông Cơ	280
192	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà bà Tám)	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Phách	300

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
193	Đường giáp Hẻm 9 (ấp Thị Trấn B)	Bắt đầu giáp hẻm 9 ông Hiếu	Đến hết ranh đất nhà ông Quan	300
194	Đường kênh giáp phường 8	Cổng phường 8	Nhà ông Phạm Văn Dũng	400
195	Lộ Béc Hen Nhỏ	Cầu ông Tách	Nhà bà Nguyễn Thị Nói	300
196	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Quốc Thái	Cầu Miếu	280
197	Kênh 6 Tây	Bắt đầu từ cầu 6 Tây	Cầu Hữu Nghị	280
198	Xóm Lớn B - 15A	Bắt đầu từ cầu Miếu	Đến hết đất ông Bình	280
199	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			300
200	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			350
201	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200

46. XÃ VĨNH MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến đường ấp 21	Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Hoà Bình	Đến nhà ông Nghiêm	1.000
2	Tuyến đường ấp 22	Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm	Đến nhà ông Thông	1.200
3	Tuyến đường ấp 23	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đền chùa Đìa Chuôi đường đi xã Vĩnh Bình	500
4	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Thông	Đền cầu Đoàn Thanh Niên	1.000
5	Đường Trảng Bèo	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dương Văn Thạch	Đến hết ranh đất nhà Ngô Thị Út Hồng (giáp ranh xã Châu Thới) (Tên cũ: giáp ranh xã Vĩnh Hưng-Vĩnh Lợi)	340
6	Tuyến đường ấp 21	Bắt đầu từ cầu giữa (nhà ông Nguyễn Văn Kỳ)	Đến cầu Thanh Niên (nhà ông Trang Văn Út)	340
7	Tuyến đường ấp 22	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm	Đền giáp ấp Thị trấn B-Thị trấn Hoà Bình	340
8	Tuyến đường Ấp 33	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến cầu Cẩm Vân	540
9	Tuyến xóm Trại	Đầu cầu nhà ông 3 Oai	Đến vàm Xã Xín (nhà ông Nhường)	340
10	Lộ nhựa ấp Trà Co -Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hai Kia	Đến hết ranh đất nhà ông Thái Hoàng Giang	360
11	Đường Cầu Miêu ấp 33, ấp 36	Bắt đầu từ cầu Miêu ấp 33	Đến cầu nhà bà Lù	340
12	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Bảy Phát	Đến cổng nhà ông Bảo (Giáp ranh xã Châu Thới)	1.000
13	Tuyến ấp 36	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Được	Đến Ấp 38 giáp Láng Giải	420
14	Tuyến ấp 33	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Kiều	Đến ngã tư Trà Co (nhà ông Kía)	600

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Tuyến cầu Ba Bồi	Bắt đầu từ cầu Bà Bồi	Đến hết ranh đất nhà bà Tú Anh	360
16	Tuyến ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến đầu cầu Tư Quân	340
17	Tuyến Ninh Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Huy	Đến hết ranh đất nhà ông Chệt	340
18	Tuyến ấp Cá rô - 37	Bắt đầu từ cầu ông Cảnh	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Thiện	340
19	Tuyến ấp Trà Co – Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Huân	340
20	Tuyến Hậu Bồi 1- Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà Sáu Lương	Đến đầu cầu ông Ngoặc (Tên cũ: Đến đầu cầu nhà ông Mạnh)	340
21	Tuyến Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Mạnh	Đến đầu cầu nhà ông Trường	340
22	Tuyến ấp 37	Bắt đầu từ cầu nhà Sơn Đình	Đến cầu nhà ông Tung, Giáp xã Hoa Bình (tên cũ: Giáp xã Long Thạnh, Vĩnh Lợi)	340
23	Tuyến ấp 38	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chót (Ngã tư Bàu Sen)	Đến hết ranh đất nhà ông Đèo	340
24	Đường ấp Hậu Bồi I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà ông Út Chiến	340
25	Đường ấp 37	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc	340
26	Ấp Nam Hưng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Oai	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Thanh	340
27	Ấp Nam Hưng-ấp Cá rô	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hậu	Đến cầu ông Phạm Thanh Hải	340
28	Ấp Hậu Bồi 1	Bắt đầu từ cầu Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Gọn	310
29	Ấp 36	Bắt đầu từ Miếu ấp 36	Đến hết ranh đất nhà bà Chín Hiệm	310

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Ấp Cá Rô-ấp 36	Bắt đầu từ cầu Chùa	Đến cầu ông Ấn	310
31	Tuyến đường Củi, Ấp 37 - 38	Bắt đầu từ cầu ông Ba Thành	Đến nhà ông Long	310
32	Ấp 37-ấp 36	Bắt đầu từ cầu Tư Khiêu	Đến cầu ông Sung	500
33	Ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ứng	Đến hết ranh đất nhà ông Dũng	300
34	Tuyến đường ấp Trà Co - Hậu Bôi II	Bắt đầu từ nhà Bà Màu	Lộ mới mở (Tên cũ: Đến nhà Bà Út)	340
35	Tuyến đường Cá Rô, Ấp Cá Rô	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tư Hanh	Đến nhà ông Khởi (cầu Từ Thiện)	310
36	Tuyến đường ấp Trà Co - Cá Rô	Bắt đầu từ cầu Xà Nâu	Đến nhà ông Đường	310
37	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh xã Hòa Bình	Đến hết ranh đất Nhà Thờ	3.600
38	Quốc lộ 2	Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà thờ	Đến cầu số 2	3.600
39	Quốc lộ 3	Bắt đầu từ cầu số 2	Đến cầu số 3	3.600
40	Quốc lộ 4	Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Xóm Lung	2.900
41	Lộ rẽ tránh dốc cầu số 2	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (ngã 3)	4.600
42	Lộ cũ (dốc cầu số 2)	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (Ngã 3)	1.700
43	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ giao lộ (Ngã 3)	Đến cổng Tư Lù	1.440
44	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cổng Tư Lù	Đến giáp Cầu Cây Dương (xã Vĩnh Bình cũ)	1.080
45	An Khoa – An Thành	Quốc lộ 1	Đến cầu ông Ớt	620
46	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Ngươn	Đến cầu ông Khel (Tên cũ: Đền cầu ông Kim)	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Kim	Đến giáp xã Hòa Bình	400
48	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Ớt	Đến cầu Thanh Niên (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Tới)	400
49	Đường xóm Lung- Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu xóm Lung	Đến cầu Tư Chứa	400
50	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ cầu Chệt Niêu	Đến cầu Vĩnh Phong 21	500
51	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 3	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21	Đến giáp ranh phường Láng Tròn (Tên cũ: Đến giáp ranh thị xã Giá Rai)	400
52	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 4	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thi	Giáp ranh thị xã Giá Rai	400
53	Đường Đài Loan	Quốc lộ 1	Đến kênh HB 24	430
54	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Quốc lộ 1	Đến cổng cầu số 2	500
55	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cổng cầu số 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình kênh HB20 (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình)	500
56	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cổng chào HB24	Đến cầu nhà ông Đồi	400
57	Đường Cày	Bắt đầu từ cầu 3 Cuôi	Đến cầu Cây Dương	400
58	Đường Cày	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tùng	Đến cầu nhà ông Ngươn	400
59	Đường Cày	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Việt	Đến hết ranh trụ sở HTX Vĩnh Cường	400
60	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Út Duy	400
61	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến cầu Cây Dương	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
62	Tuyến Hàng Me	Quốc lộ 1	Đền hết ranh đất nhà ông Huỳnh Công Tiến	400
63	Tuyến Hàng Me	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà Ông Việt (Tên cũ: Đền hết ranh đất nhà ông Hải)	400
64	Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Thuyền	Đến cầu nhà bà Sương	400
65	Tuyến bờ kinh Vĩnh Phong 21	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hưng	Đến cầu Hàng Me	400
66	Tuyến đường cây	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Thát	Đến nhà ông Huỳnh Văn Khuôl	400
67	Tuyến kênh Vĩnh Phong 21 (bờ Nam)	Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến nhà ông Lý Văn Chạy	400
68	Tuyến sau nhà thờ	Bắt đầu từ giáp Quốc Lộ 1A (nhà Ông Chính)	Đến giáp Quốc lộ 1A (nhà ông Tuấn)	400
69	Tuyến An Khoa - An Thành	Bắt đầu giáp lộ An Khoa - An Thành	Đến nhà ông Võ Văn Nam	340
70	Tuyến cây Dương - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu nhà ông Ngô Đồng Xia	Đến kênh 900	340
71	Tuyến Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Thanh Sang	Đến nhà ông Huỳnh Minnh Điền	340
72	Tuyến Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ Cầu Trường Học	Đến nhà ông Lý Văn Chạy (Tên cũ: Đến nhà bà Đặng Thị Lụa)	340
73	Tuyến đường Xóm Lung - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu Láng Tranh	Đến nhà ông Nguyễn Ngọc Tĩnh	340
74	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu Ba Châu	Đến kênh thủy nông nội đồng (Tên cũ: Đến kênh TNNĐ)	340
75	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu giáp cầu Ông Te	Đến cầu nhà ông Thành	340
76	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến giáp kênh Vĩnh Phong 17	340

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
77	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Cây Dương (giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B cũ)	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	1.100
78	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	Đến lộ tẻ 18-19	1.500
79	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ lộ tẻ 18-19	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (huyện Phước Long cũ)	1.100
80	Lộ tẻ (vào UBND xã)	Bắt đầu từ lộ Vĩnh Mỹ-Phước Long	Đến hết ranh đất nhà ông Cường	1.000
81	Lộ tẻ (dốc cầu Bàu Sàng)	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng	Đến công Bảy Quân	1.000
82	Lộ tẻ đi Minh Diệu	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến cầu Chùa Địa Chuối	500
83	Lộ Kế Phòng- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến trụ sở ấp Mỹ Phú Nam	500
84	Tuyến Kênh HB 16	Bắt đầu từ kênh HB 16 (đầu kênh)	Đến kênh HB 16 (cuối kênh)	500
85	Tuyến Kênh HB 18	Bắt đầu từ cầu ông Minh (kênh HB 18)	Đến kênh HB 18 (cuối kênh)	340
86	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu nhà ông Đầy	Đến cầu Trung Ương Đoàn	500
87	Lộ Thạnh Hưng II- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến giáp xã Vĩnh Thanh (Tên cũ: Đến giáp xã Hưng Phú)	340
88	Đường Cây Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà 2 Miên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyệt	340
89	Tuyến Cây Đông Chạ Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mót	Đến hết ranh đất nhà bà Lài	340
90	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến giáp kênh HB	340
91	Lộ tẻ Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm	Đến kênh HB20 (Tên cũ: Đến giáp Vĩnh Mỹ B)	340

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	Tuyến ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Chùa Đìa Chuối	Đến hết ranh đất nhà ông 4 Dứt (giáp Vĩnh Mỹ B cũ)	340
93	Lộ tè ấp 17-20	Bắt đầu từ cầu Đình 17-20	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thạnh (Tên cũ: Đến hết ấp 20 (giáp xã Phong Thạnh Đông))	340
94	Tuyến Kênh Vĩnh Phong ấp 17	Bắt đầu từ ranh đất kho đạn	Đến ngã 3 cầu Châu	420
95	Tuyến đường ấp 17	Bắt đầu từ ngã 3 cầu Châu	Đến cầu Bàu Sàng	420
96	Lộ tè ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm	Đến kênh HB20 (Tên cũ: Đến giáp Vĩnh Mỹ B)	340
97	Đường 18-19	Bắt đầu từ cổng nhà 7 Quân	Giáp phường Láng Tròn (Tên cũ: Đến giáp xã Phong Thạnh Đông (Giá Rai))	600
98	Lộ Ninh Lợi	Bắt đầu từ cầu Chùa Đìa Chuối	Đến cầu Trung Ương Đoàn	500
99	Đường Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Tuấn	340
100	Lộ 19	Bắt đầu từ trụ sở ấp 19	Đến hết ranh đất nhà ông Linh	340
101	Đường Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Nghiệp	Đến kênh Thủy nông nội đồng	340
102	Tuyến đường 17 - 19	Bắt đầu từ Cầu Trâu	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	340
103	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Khởi (Tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Khô)	Đến nhà ông Thạch Vệ (Tên cũ: Đến nhà ông Danh Vệ)	340
104	Tuyến đường Ấp Kế Phòng - Minh Hòa	Bắt đầu từ nhà ông Đầy	Đến nhà ông Trường	340
105	Tuyến đường 18 - 19	Bắt đầu từ chùa Ấp 18	Đến nhà ông Bét	340

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
106	Lộ tế ấp Mỹ Phú Nam	Từ giáp xã Hưng Phú	Đến kênh Thủy nông nội đồng	340
107	Tuyến đường kênh ông Cò	Từ đầu kênh	Đến cuối kênh	340
108	Tuyến Thanh Hưng 2-Kế Phòng	Cầu bà Hai Huê	Đến tuyến kênh HB16	340
109	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			220
110	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
111	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

47. XÃ VĨNH HẬU

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến lộ Xóm Lung-Cái Cù	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Hội - Xã Vĩnh Mỹ A	640
2	Chợ Cống Cái Cù	Bắt đầu từ đê Trường Sơn	Đến cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: đến Nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	1.600
3	Lộ dưới ấp Vĩnh Lạc	Bắt đầu từ cầu qua sông Cái Cù	Đến cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: đến Nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	720
4	Đường Trường An	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến đê Trường Sơn	600
5	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới	600
6	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới (phía bên sông)	600
7	Đường Giồng Nhân-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Mậu - Xã Vĩnh Hậu	540
8	Tuyến Kênh Bảy Hồng	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	340
9	Đường Kinh 4 ngang trụ sở xã cũ	Bắt đầu từ cầu ấp Vĩnh Lập	Đến cầu Vĩnh Hòa	500
10	Tuyến 500	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc	Đến Ấp Vĩnh Mới	340
11	Tuyến lộ nhựa	Bắt đầu từ cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: Từ nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	Đến Lộ Đê Đông	600
12	Đường Vĩnh Hòa	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	340
13	Tuyến đường Vĩnh Hòa (phía bên sông)	Bắt đầu từ cầu kênh Ông Tà	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	340
14	Tuyến Đê Đông	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh	Đến Cầu Mương I	600
15	Tuyến lộ Vĩnh Hòa - Vĩnh Kiều	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa giáp ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	Đến cầu Lung Lớn ấp Vĩnh Thạnh- xã Vĩnh Hậu	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Tuyến đường Kim Em	Bắt đầu từ kênh ấp Vĩnh Hòa	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	340
17	Tuyến Ông Tà	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	340
18	Đường Bình Tiến	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến giáp cầu Vĩnh Thành- xã Vĩnh Mỹ A	340
19	Đường hậu cơ quan	Đê Trường Sơn	Đến hạt Kiểm lâm liên huyện (ấp Vĩnh Lạc)	500
20	Đường Cống Đá	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến kênh 7 Hồng (ấp Vĩnh Bình)	340
21	Tuyến đường kênh Đốc Thiện	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	340
22	Tuyến cặp kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Lạc	Đến đến lộ sau hậu - sửa : đến đường Hậu cơ quan	400
23	Tuyến cầu thừa	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến đường Bình Tiến	340
24	Tuyến kênh cạn	Bắt đầu từ đường Bình Tiến	đến cầu Hải Triều Âm	340
25	Tuyến đường mương 4	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Mới)	340
26	Tuyến đường mương 7	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Tiến (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Tiến)	340
27	Tuyến đường Lái Hai	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh 500 (ấp Vĩnh Mới)	340
28	Tuyến đường Nông Trường	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh Học Máu (ấp Vĩnh Mới)	340
29	Tuyến đường Mương I	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào (ấp Vĩnh Mới)- sửa : Từ đường kênh Ông Tà	Đến cầu nhà ông Trần Hòa Bình (ấp Vĩnh Kiều) - sửa : đến cầu Lung Lớn	340
30	Tuyến đường Sua Đũa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Minh	Đến tuyến đường Kim Em	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	Tuyến Đường điện gió	Bắt đầu từ đường Đê Đông	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	400
32	Tuyến đường mương 6	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	đến đường Kênh 500	360
33	Tuyến đường Hữu Tính	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	đến đường Kênh 500	360
34	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Phường nhà Mát	1.050
35	Đường Đê Đông (Đê Biển)	Bắt đầu từ giáp ranh Phường nhà Mát	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu	1.000
36	Tuyến Kênh 7 (Phía Tây)	Đê Đông	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	500
37	Đường Kênh 7(phía Đông)	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	340
38	Đường Kênh 7(phía Đông)	Chợ tạm ấp 15	Đến đê Đông	340
39	Đường Kênh 9 (Phía Tây)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà năm Ánh	Đến giáp lộ Cây Gừa	500
40	Tuyến Kênh 9 (Phía Đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	500
41	Tuyến phía Đông Kênh 12	Bắt đầu từ cầu 12 (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến giáp trụ sở ấp Cây Gừa	500
42	Tuyến phía Tây kênh 12	Bắt đầu từ Cầu Kênh 12	Đến nhà ông Huỳnh Văn Hiền (ấp 13 xã Vĩnh Hậu)	420
43	Tuyến Đường Cây Gừa	Bắt đầu từ ấp Cây Gừa	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc giáp Phường 2	340
44	Tuyến Đường Cây Gừa - Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Phước Sơn	Đến cầu Thanh Niên	340
45	Tuyến phía Bắc Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến kênh Cây Mết giáp Phường 8	340
46	Lộ bê tông phía Nam kênh Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tân Đạt	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Tuyến Đông Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	700
48	Tuyến Tây Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	400
49	Tuyến Tây Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lộc ấp Cây Gừa	Đến giáp cầu nhà ông Lượm (ấp Giồng Tra)	340
50	Chợ tạm ấp 15	Bắt đầu từ chợ tạm ấp 15	Đến cầu Kênh 1 ấp 15	340
51	Đê Đông kênh 6 ấp 15	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến kênh 2 ấp 15	340
52	Kênh ranh ấp 17	Bắt đầu từ kênh 7	Đến kênh 9	340
53	Khu dân tộc Khmer	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến kênh 1 ấp 6	340
54	Lộ bê tông kênh 1 ấp 16	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiết	Đến giáp Vườn Chim	340
55	Lộ bê tông kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến giáp kênh 5 ấp 12	340
56	Lộ bê tông kênh giáp ranh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông tám Hoàng	Đến giáp kênh phường 2	340
57	Kênh 4 Ấp 15	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến đê Đông	340
58	Phía Tây kênh số 4 ấp 15	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	340
59	Kênh 6 Ấp 17	Bắt đầu từ giáp Kênh số 7	Đến giáp nhà ông Dư	340
60	Lộ bê tông kênh 7	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu Ba	Đến giáp kênh 9	340
61	Lộ bê tông (Kênh 130)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Giáp đê Đông	340
62	Phía Tây cầu Dàn Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Xuân	Giáp kênh Giồng Me - cây Dừa	340
63	Lộ bê tông	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Giáp nhà ông Tô Thành Lâm	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Lộ bê tông khu 37ha ấp Cây Gừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đào	Giáp kênh số 9	340
65	Tuyến kênh 10 (phía đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	420
66	Tuyến kênh 11 phía đông kênh 12	Bắt đầu từ kênh 130	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	420
67	Tuyến Vành Đai Sân Chim	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Quang	Đến giáp nhà ông Tiểu	420
68	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến cây xăng ông Vạn	1000
69	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cây xăng ông Vạn	Đến kênh 5M4	1.200
70	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ kênh 5M4	Đến đê Đông	1.000
71	Lộ Đê Đông	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hàn Lê)	1.000
72	Đường Giồng Nhãn-Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hai Bắc)	1.200
73	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ giáp Thị trấn Hòa Bình	Đến cầu 3 Thân	340
74	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Hiến	Đến kênh 130	340
75	Đường Toàn Thắng	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Vĩnh Hậu C - sửa : Từ giáp lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 12	430
76	Đường Miếu Toàn Thắng - Cái Tràm	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Vĩnh Hậu A	340
77	Đường Lung Lớn	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến mương I nhà ông Hàn Lê	500
78	Đường Cầu Trâu - sửa : Đường Cầu Trâu (phía Nam)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Đường Cầu Trâu (phía Bắc)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	350
80	Đường Mương 6	Bắt đầu từ kênh 5m4	Đến kênh 130	340
81	Đường Mương 8 - sửa : Đường Mương 8 (Phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	340
82	Đường Mương 8 - sửa : Đường Mương 8 (Phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	340
83	Đường Kênh Tế II - sửa : Đường Kênh Tế II (phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
84	Đường Kênh Tế II - sửa : Đường Kênh Tế II (phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
85	Đường Kênh Làng Hưu (phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
86	Đường Kênh Làng Hưu (phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
87	Đường Nam Kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Xã	Đến kênh Mương 1	420
88	Đường 5M4	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 8 - sửa : Mương 7	340
89	Đường ấp Thống Nhất (phía Đông)	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	340
90	Đường ấp Thống Nhất (phía Tây)	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	340
91	Đường khu Tái Định Cư	Bắt đầu từ Kênh Mương 1	Đến trường tiểu học Vĩnh Hậu C	340
92	Đường khu Tái Định Cư	Bắt đầu từ Kênh Thống Nhất	Đến giáp xã Vĩnh Hậu A (cũ)	340
93	Đường kênh Ba Vịt (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn II	Đến giáp khu Tái định cư	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
94	Đường giáp ranh ấp 12 - ấp 13	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	340
95	Đường kênh ông Tà (2 bên lộ)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh I	340
96	Đường kênh Ba Quý (2 bên lộ)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh I	340
97	Đường kênh Tây Mắt Đỏ (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Cầu Trâu	Đến đường kênh Lung Lớn	340
98	Đường kênh Mười Chuột (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Cầu Trâu	Đến đường kênh Lung Lớn	340
99	Đường kênh Năm Châm	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đường kênh Cô Tuyết	340
100	Đường kênh Cô Tuyết	Bắt đầu từ đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến đường Miếu Toàn Thắng - Cái Trầm	340
101	Tuyến sau hậu	Bắt đầu từ đường vô Trạm Y tế xã	Đến kênh Trường Sơn	300
102	Tuyến đường phía đông kênh 9	Bắt đầu từ nhà ông Chính	Đến giáp nhà ông Nga	400
103	Tuyến cầu thừa kênh cạn	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến ấp Vĩnh Hòa	300
104	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
105	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

48. XÃ PHONG HIỆP

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, trên lộ	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), trên lộ	780
2	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, dưới lộ	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), dưới lộ	660
3	Ấp 1A - 8A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), trên lộ	Đến kênh 3.000, trên lộ	660
4	Ấp 1A - 8A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), dưới lộ	Đến kênh 3.000, dưới lộ	530
5	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, trên lộ	Đền trường THCS xã Phong Thanh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam), trên lộ	960
6	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, dưới lộ	Đền trường THCS xã Phong Thanh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam), dưới lộ	870
7	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thanh Tây A, trên lộ	Đến kênh 1.000, trên lộ	870
8	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thanh Tây A, dưới lộ	Đến kênh 1.000, dưới lộ	760
9	Ấp 2B - 8A (bờ Nam kênh Phong Thanh Tây) (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000 bờ Nam, trên lộ	Đến kênh 4.000 bờ Nam, trên lộ	780
10	Ấp 2B - 8A (bờ Nam kênh Phong Thanh Tây) (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000 bờ Nam, dưới lộ	Đến kênh 4.000 bờ Nam, dưới lộ	660

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Bờ Nam kênh Phong Thạnh Tây (ấp 8B)	Bắt đầu từ kênh 4.000 bờ Nam, trên lộ	Đến hết ấp 8B bờ Nam, trên lộ	660
12	Bờ Nam kênh Phong Thạnh Tây (ấp 8B)	Bắt đầu từ kênh 4.000 bờ Nam, dưới lộ	Đến hết ấp 8B bờ Nam, dưới lộ	530
13	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, trên lộ	Đến hết nhà ông Ngô Văn Khôi, trên lộ	960
14	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, dưới lộ	Đến hết nhà ông Ngô Văn Khôi, dưới lộ	780
15	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Hết ngã ba nhà ông Ngô Văn Khôi, trên lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), trên lộ	720
16	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Hết ngã ba nhà ông Ngô Văn Khôi, dưới lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), dưới lộ	590
17	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh, trên lộ	780
18	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh, dưới lộ	660
19	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh, trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phước Long), trên lộ	660
20	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh, dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phước Long), dưới lộ	590

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	Ấp 3 - 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Ba Lợi (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)), trên lộ	530
22	Ấp 3 - 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Ba Lợi (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)), dưới lộ	410
23	Ấp 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 1000m ấp 1B về Phong Thạnh - Giá Rai	340
24	Ấp 3 (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	650
25	Ấp 3 (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	Đến giáp xã Phong Thạnh - Giá Rai	460
26	Tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp - CM (Ấp 1B - ấp 3)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây)	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B)	900
27	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp (Ấp 3)	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh Xáng Phụng Hiệp	700
28	Đường dẫn Cầu số 2 - Quản lộ Phụng Hiệp (ấp 2B)	Bắt đầu từ chân cầu vượt (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong)	Đến đoạn tiếp giáp lộ Phước Long - Phong Thạnh Tây B (Tên cũ: Đến ranh đất nhà ông Ngô Văn Khôi)	650
29	Kênh 1000 ấp 1B, ấp 3	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây)	Đến kênh Ba Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B)	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Kênh 1000 ấp 1A, ấp 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
31	Kênh 2000 ấp 1A, ấp 8A, 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
32	Kênh 3000 ấp 8A	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
33	Kênh 4000 ấp 8A, 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
34	Kênh 5000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
35	Kênh 6000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
36	Kênh 7000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
37	Kênh 8000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	340
38	Tuyến kênh Cô 9 (ấp 1A)	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B (nhà ông Trịnh Hoài Nhanh)	Đến kênh 1000	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Tuyến vào Miếu Vinh Ông (ấp 8A)	Bắt đầu từ Nhà Văn hóa (ấp 8A)	Đến Vinh Ông	340
40	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4), trên lộ	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau, trên lộ	2.800
41	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4), dưới lộ	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau, dưới lộ	2.200
43	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến, trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, trên lộ	2.550
44	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến, dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, dưới lộ	1.850
45	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, trên lộ	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, trên lộ	1.500
46	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, dưới lộ	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, dưới lộ	1.150
47	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, trên lộ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung, trên lộ	980
48	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Luỹ, dưới lộ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung, dưới lộ	670
49	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung, trên lộ	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau), trên lộ	800
50	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung, dưới lộ	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau), dưới lộ	700
51	Đường nhánh	Cầu Trung ương Đoàn	Đến Cầu kênh 1	700
52	Đường nhánh	Bắt đầu từ Cầu kênh 1	Đến Cầu kênh 2	500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (ấp 9), trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi), trên lộ	2.850
54	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (ấp 9), dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi), dưới lộ	2.300
55	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi), trên lộ	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, trên lộ	1.850
56	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi), dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, dưới lộ	1.200
57	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, trên lộ	1.500
58	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, dưới lộ	940
59	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, trên lộ	Đến Kênh 2.001, trên lộ	760
60	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, dưới lộ	Đến Kênh 2.001, dưới lộ	650

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ kênh 4.000, trên lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)), trên lộ	670
62	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ kênh 4.000, trên lộ, dưới lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)), dưới lộ	550
63	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)), trên lộ	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc), trên lộ	2.500
64	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)), dưới lộ	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc), dưới lộ	2.200
65	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, trên lộ	1.650
66	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, dưới lộ	1.300
67	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, trên lộ	1.350
68	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, dưới lộ	1.000
69	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đề, trên lộ	1.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
70	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đề, dưới lộ	700
71	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đề, trên lộ	Đến Kênh 1000, trên lộ	960
72	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đề, dưới lộ	Đến Kênh 1000, dưới lộ	720
73	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ Kênh 1000, trên lộ	Đến kênh 2000, trên lộ	780
74	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ Kênh 1000, dưới lộ	Đến kênh 2000, dưới lộ	660
75	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 4000, trên lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau), trên lộ	580
76	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 4000, dưới lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau), dưới lộ	520
77	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cống Ông Minh, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, trên lộ	1.250
78	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cống Ông Minh, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, dưới lộ	900
79	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, trên lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A), trên lộ	740

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, dưới lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A), dưới lộ	600
81	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại Cây Ba Kiệt (ấp 12)	Đến hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	800
82	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	Đến cầu kênh 1000 (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng)	700
83	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ cầu kênh 1000 (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng)	Đến giáp ranh phường Giá Rai (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, phường Giá Rai)	500
84	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt), trên lộ	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), trên lộ	900
85	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt), dưới lộ	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), dưới lộ	700
86	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), trên lộ	Đến ranh trạm cấp nước (Tên cũ: Đến hết ranh nhà bà Mỹ A), trên lộ	660
87	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), dưới lộ	Đến ranh trạm cấp nước (Tên cũ: Đến hết ranh nhà bà Mỹ A), dưới lộ	530
88	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trạm cấp nước (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A), trên lộ	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)), trên lộ	540

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trạm cấp nước (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A), dưới lộ	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)), dưới lộ	430
90	Tuyến Quản lộ Phụng hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	Đến Đầu Cầu Chủ Chí	900
91	Đường dẫn móng cầu Chủ Chí (Bên Chợ)	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Dũng ấp 2A	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đen ấp 4	2.200
92	Tuyến kênh 8000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	400
93	Tuyến kênh 1000	Bắt đầu từ nhà bà Lê Thị Danh	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	500
94	Tuyến kênh 4000	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	500
95	Tuyến kênh 2000	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	500
96	Tuyến kênh 6000	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Tuôi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	420
97	Tuyến kênh 7000	Bắt đầu từ ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	420
98	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia	Bắt đầu từ cây xăng Trí Tỏa	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (Ấp 1B)	400
99	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia	Bắt đầu từ cầu Trí Tỏa	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (Ấp 3)	420

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
100	Tuyến từ kênh 3000 (Ấp 8A) đến kênh 8000 (Ấp 8B) –Phía Bắc kênh Phong Thạnh Tây	Bắt đầu từ kênh 3000 (ấp 8A)	Đến giáp tỉnh An Giang	540
101	Tuyến đường kênh Cây Gòn (Ấp 8A) 2 bên	Bắt đầu từ chân cầu Cây Gòn	Đến cầu 3 Diên kênh 4000	340
102	Tuyến đường kênh Cô Chín (Đoạn 2)	Bắt đầu từ kênh 1000 (Ấp 1A)	Đến kênh 3000 (Ấp 8A)	340
103	Tuyến đường kênh 3 Lợi (Ấp 3)	Bắt đầu từ chân cầu 3 Lợi (Quốc lộ PH)	Đến kênh 1000	500
104	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia (Ấp 1B)	Bắt đầu từ đoạn 1000m (ấp 1B) từ Quốc lộ Phụng Hiệp vào	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, Giá Gai (cũ)	340
105	Tuyến kênh Khạo Gạng (Bờ Nam gồm Ấp 2A, Ấp 9B, Ấp 9C)	Từ giáp tuyến đường Phước Long – Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 8000 giáp ranh xã Trí Phải	500
106	Tuyến kênh Khạo Gạng (Bờ Bắc gồm Ấp 2B, Ấp 8A, Ấp 8B)	Từ giáp tuyến đường Phước Long – Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 8000 giáp ranh xã Trí Phải	500
107	Tuyến kênh 3000 (ấp 1B ấp 3, ấp 12)	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (xã Vĩnh Phú Tây cũ)	Đến kênh xáng Hộ Phòng	500
108	Tuyến kênh 1000 (ấp 3, ấp 12)	Từ giáp kênh Lầu Quốc Gia	Đến kênh xáng Hộ Phòng	500
109	Tuyến kênh 2000 bờ Đông (Ấp 9B)	Bắt đầu từ đất ông Lê Văn Kiệt	Đến giáp kênh Khạo Gạng	500
110	Tuyến kênh 4000 bờ Đông (Ấp 9B)	Bắt đầu từ đất ông Huỳnh Văn Hoi	Đến giáp kênh Khạo Gạng	500
111	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
112	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
113	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

49. XÃ PHƯỚC LONG*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu 30/4 (kênh Cộng Hòa)	Đến kênh Tài Chính (khu Hành chính)	3.100
2	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Kênh Tài Chính (Ba Tụ); Trên lộ	Đến kênh Cầu Cháy; Trên lộ	2.000
3	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Kênh Tài Chính (Ba Tụ); Dưới lộ	Đến kênh Cầu Cháy; Dưới lộ	1.800
4	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Cầu Cháy; Trên lộ	Đến Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Trên lộ	1.500
5	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Cầu Cháy; Dưới lộ	Đến Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Dưới lộ	1.300
6	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Trên lộ	Đến cầu kênh Xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Trên lộ	1.300
7	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Dưới lộ	Đến cầu kênh Xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Dưới lộ	1.200
8	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến giáp ranh H. Hồng Dân); Trên lộ	1.000
9	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến giáp ranh H. Hồng Dân); Dưới lộ	900
10	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Tài Chính (ấp Hành Chính) (tên cũ: Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính); Trên lộ	Đến kênh 1.000; Trên lộ	1.100
11	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Tài Chính (ấp Hành Chính) (tên cũ: Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính); Dưới lộ	Đến kênh 1.000; Dưới lộ	1.000
12	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến ngã ba ông Bưng	850

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ bờ đông kênh cầu Tài Chính (ấp Long Hậu) (tên cũ: Bắt đầu từ bờ đông kênh cầu Tài Chính)	Đến kênh 1.000	750
14	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến giáp xã Hồng Dân	500
15	Đường Yên Mô	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (tên cũ: Đền kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Bắc))	1.850
16	Phía đông kênh Cộng Hòa (ấp Hành Chính)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Trên lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (ấp Hành Chính); Trên lộ	1.100
17	Phía đông kênh Cộng Hòa (ấp Hành Chính)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (ấp Hành Chính); Dưới lộ	900
18	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Trên lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Tây); Trên lộ	1.000
19	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Tây); Dưới lộ	800
20	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa; Trên lộ	Đến hết Cầu Phước Long 2 ; Trên lộ	1.600
21	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa; Dưới lộ	Đến hết Cầu Phước Long 2; Dưới lộ	1.200
22	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ hết Cầu Phước Long 2 ; Trên lộ	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Hoà); Trên lộ	1.150
23	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ hết Cầu Phước Long 2 ; Dưới lộ	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Hoà); Dưới lộ	1.000
24	Tuyến đường kênh 2000	Bắt đầu từ kênh 2.000 (từ giáp lộ Phước Long - Vĩnh Mỹ)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (bờ Bắc ấp Long Thành)	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ cầu Xã Tá	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (bờ Bắc ấp Long Thành)	550
26	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Xã Tá: Trên lộ	Đến hết ranh Nghĩa Trang; Trên lộ	1.100
27	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Xã Tá; Dưới lộ	Đến hết ranh Nghĩa Trang; Dưới lộ	830
28	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa Trang; Trên lộ	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Trên lộ	1.490
29	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa Trang; Dưới lộ	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Dưới lộ	1.160
30	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Trên lộ	Đến ranh Cầu Phước Long; Trên lộ	1.820
31	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Dưới lộ	Đến ranh Cầu Phước Long; Dưới lộ	1.540
32	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ranh Cầu Phước Long; Trên lộ	Đến Cầu Sắt; Trên lộ	3.470
33	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ranh Cầu Phước Long; Dưới lộ	Đến Cầu Sắt; Dưới lộ	3.030
34	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trấn cũ	Bắt đầu từ cầu Sắt; Trên lộ	Đến cầu Phước Long 2; Trên lộ	1.210
35	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trấn cũ	Bắt đầu từ cầu Sắt; Dưới lộ	Đến cầu Phước Long 2; Dưới lộ	1.050
36	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trấn cũ	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Thành); Trên lộ	900
37	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trấn cũ	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Thành); Dưới lộ	730

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
38	Tuyến bờ tây kênh Cộng Hoà (đoạn còn lại)	Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000 (giáp ranh xã Vĩnh Phước)	800
39	Tuyến bờ tây kênh Cộng Hoà (đoạn còn lại)	Bắt đầu từ cầu Kênh 1.000 (bờ Đông)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (đường vô vườn cò)	800
40	Tuyến kênh Vĩnh lộc (Phước Long - Hồng Dân)	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng Hòa Bình (cầu Trắng)	Đến giáp ranh xã Hồng Dân (bờ Tây)	800
41	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ trụ sở ấp Nội Ô; Trên lộ	Đến lộ Ba Rô (Lộ trước chợ); Trên lộ	6.000
42	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ trụ sở ấp Nội Ô; Dưới lộ	Đến lộ Ba Rô (Lộ trước chợ); Dưới lộ	5.400
43	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Đông)	1.700
44	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Tây)	1.900
45	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô)(Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Nam	1.600
46	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô)(Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Bắc	1.300
47	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ Phụng Hiệp)	Đến Kênh Miếu Bà ấp Long Đức	700
48	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Miếu Bà ấp Long Đức	Đến Cầu Ba Phát	700
49	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Ba Phát	Đến Cầu Mười Hai	600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ Ba Rô (tên cũ: Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô); Trên lộ	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông (cũ); Trên lộ	1.000
51	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ Ba Rô (tên cũ: Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô); Dưới lộ	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông (cũ); Dưới lộ	800
52	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Thầy Thép (kênh Xáng Phụng Hiệp) ấp Phước Thuận 1	Đến Cầu Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp	400
53	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ trụ sở ấp Nội Ô; Trên lộ	Đến cầu Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp; Trên lộ	3.600
54	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ trụ sở ấp Nội Ô; Dưới lộ	Đến cầu Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp; Dưới lộ	3.100
55	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp	Đến hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	1.400
56	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	Đến Cầu Hai Niệm	1.100
57	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Hai Niệm; Trên lộ	Đến rạch Địa Châm; Trên lộ	800
58	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Hai Niệm; Dưới lộ	Đến rạch Địa Châm; Dưới lộ	700
59	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (ấp Nội Ô)	3.800
60	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (ấp Long Đức)	3.300
61	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ngã tư đường Trần Hồng Dân	Đến Ngã ba Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	2.100
62	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ ấp Phước Thuận 1 đi xã Vĩnh Phú Đông (cũ)	Đến giáp Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1.400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
63	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh nhà Bác sĩ Đức	Đến lộ Ba Rô (2 bên lộ)	3.400
64	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Trường Mẫu giáo	2.800
65	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 3 lộ nhà Bác sĩ Đức - lộ Ba Rô	2.600
66	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ cầu Đức Thành I	Đến hết ranh Trường cấp I B (Lộ sau 2 bên)	4.400
67	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp IB	Đến lộ Hoa Rô (2 bên lộ)	2.400
68	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Thầy Thép	Đến cầu Hoa Rô	1.800
69	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Hoa Rô	Đến hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	2.350
70	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước	1.800
71	Đường Nho Quan	Bắt đầu từ Lộ Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến giáp Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	2.600
72	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến vòng xoay Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	2.350
73	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ vòng xoay Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	Đến hết ranh Kênh 1000	2.350
74	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000	Đến Ngã 3 Phước Long Vĩnh Mỹ	1.850
75	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ đường dân cầu Phước Long 2	Đến kênh 500 ấp Long Hòa	1.500
76	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ kênh 500 ấp Long Hòa	Đến kênh 1000	1.400
77	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến ngã 3 Năm Cừ (bờ Nam)	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
78	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến giáp ranh xã Hồng Dân	340
79	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ Cầu kênh Miếu Bà	Đến Ngã 3 Năm Cù (bờ Bắc)	340
80	Đường Hành Chính 1	Bắt đầu từ công An xã	Đến đường Yên Mô	1.140
81	Đường Hành Chính 2	Bắt đầu từ kho bạc Nhà nước	Đến đường Yên Mô	1.140
82	Đường Hành Chính 3	Bắt đầu từ ngân Hàng Nông Nghiệp	Đến đường Yên Mô	1.140
83	Tuyến Trung tâm thương mại	Bắt đầu từ Ngã 3 đường Trần Hồng Dân	Đến Quản lộ Phụng Hiệp ấp Long Đức	2.600
84	Đường cầu Ba Rô (Hoa Rô)	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 4 đường Trần Hồng Dân (Hai bên lộ)	2.000
85	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 250 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Hai bên lộ)	800
86	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 250 (giáp đường dẫn Cầu Phước Long 2, bờ Bắc)	Đến Kênh 500 (đến nhà ông Mười Te)	600
87	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 500 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Bắc)	800
88	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 500 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh Kênh 750 (Bờ Bắc)	600
89	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Nam)	600
90	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 750 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2 (bờ Nam)	Đến Kênh Vườn Cò (Bờ Bắc)	600
91	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 2000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Bờ Bắc)	600
92	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 3000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Bờ Nam)	600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
93	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ nhà ông Trương Văn Lắm	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Minh (Kênh Miếu Bà)	600
94	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Đến Kênh 1000 (Bờ Tây, tuyến kênh Vườn Cò)	700
95	Lộ sau trường Võ Văn Kiệt	Bắt đầu từ đường dẫn cầu Phước Long	Đến kênh Cộng Hòa	1.400
96	Lộ sau chợ đêm	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Kênh thủy lợi	1.000
97	Tuyến đường từ xã Phước Long - Hồng Dân (Tuyến đi Ba Đình- ĐT 979)	Từ kênh 1000	Đến kênh 2000	1.300
98	Tuyến đường từ xã Phước Long - Hồng Dân (Tuyến đi Ba Đình- ĐT 979)	Từ kênh 2000	Đến kênh 3000	1.150
99	Tuyến đường từ xã Phước Long - Hồng Dân (Tuyến đi Ba Đình- ĐT 979)	Từ kênh 3000	Giáp ranh xã Vĩnh Phước	1.000
100	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 1000	Đến kênh 3000	700
101	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 3000	Đến kênh 6000	600
102	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Tài Chính	Đến giáp Kênh Cộng Hòa (tuyến lộ bê tông nhà ông Út Nhỏ)	600
103	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Hải	Đến Kênh 1000 (Bờ Đông)	600
104	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ kênh 1000 Kênh Tài Chính	Đến Kênh 1000 Kênh Cộng Hòa (Bờ Nam)	600
105	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ kênh 750 Kênh Tài Chính (Bờ Nam)	Đến Kênh 500 Kênh Cộng Hòa (Bờ Bắc)	600
106	Kênh Cầu Cháy	Bắt đầu từ đường Phước Long - Ninh Quới	Đến Kênh Tài Chính (Bờ Nam)	1.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
107	Phía Đông Cầu số 02 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Bắt đầu từ Kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến Cầu Ba Phát (Bờ Bắc)	600
108	Phía Đông Cầu số 02 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Bắt đầu từ Miêu Bà (Khu tư Long Đức)	Đến giáp ranh Kênh 2000 (Bờ Đông)	600
109	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Long Đức)	Đoạn từ Miêu Bà	Đến nhà ông Sơn Khuê	450
110	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ UBND xã Vĩnh Phú Đông cũ	Đến cầu Thầy Thép Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Bắc)	600
111	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ UBND xã Vĩnh Phú Đông cũ; Trên lộ	Đến kênh Hòa Bình; Trên lộ	600
112	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ UBND xã Vĩnh Phú Đông cũ; Dưới lộ	Đến kênh Hòa Bình; Dưới lộ	500
113	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Đến kênh 1000 nhà bà Tư Nhiều (bờ Bắc)	500
114	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 nhà bà Tư Nhiều	Đến ngã tư Mười Khịch	400
115	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức; Trên lộ	Đến Cây Nhâm; Trên lộ	600
116	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức; Dưới lộ	Đến Cây Nhâm; Dưới lộ	500
117	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Cây Nhâm; Trên lộ	Đến cầu Tám Ngọt; Trên lộ	700
118	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Cây Nhâm; Dưới lộ	Đến cầu Tám Ngọt; Dưới lộ	500
119	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Hoà Bình Kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến kênh 500 (bờ Đông)	400
120	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình; Trên lộ	Đến kênh 500 (bờ Tây); Trên lộ	500
121	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình; Dưới lộ	Đến kênh 500 (bờ Tây); Dưới lộ	500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
122	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Đông)	400
123	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 500; Trên lộ	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Tây); Trên lộ	400
124	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 500; Dưới lộ	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Tây); Dưới lộ	400
125	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Hòa Bình; Trên lộ	Đến đập Kiểm Ê; Trên lộ	500
126	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Hòa Bình; Dưới lộ	Đến đập Kiểm Ê; Dưới lộ	500
127	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ; Trên lộ	Đến nhà ông Võ Thanh Đức; Trên lộ	1.200
128	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ; Dưới lộ	Đến nhà ông Võ Thanh Đức; Dưới lộ	900
129	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức; Trên lộ	Đến cầu đập Kiểm Ê; Trên lộ	800
130	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức; Dưới lộ	Đến cầu đập Kiểm Ê; Dưới lộ	700
131	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới (cầu giáp ranh); Trên lộ	Đến cầu Hai Giỏi; Trên lộ	900
132	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới (cầu giáp ranh); Dưới lộ	Đến cầu Hai Giỏi; Dưới lộ	800
133	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ cầu Hai Giỏi; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (nhà Lâm Văn Điện); Trên lộ	700
134	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ cầu Hai Giỏi; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (nhà Lâm Văn Điện); Dưới lộ	500
135	Tuyến lộ ấp Mỹ Tân	Bắt đầu từ miếu Mỹ Tân	Đến cầu 9 Xị	600
136	Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Ngan Dừa ấp Vĩnh Phú A	Đến cầu Thầy Thép (Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp)	1.300

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
137	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Từ cầu chùa Địa Muồng	Đến cầu Địa Muồng (Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp)	550
138	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ nhà Út Nhàn	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (hướng đi chùa Địa Muồng)	700
139	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (bờ Đông)	400
140	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (bờ Tây); Trên lộ	500
141	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (bờ Tây); Dưới lộ	400
142	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ hết ranh nhà Ông Năm Trăm	Đến cầu đập Kiểm đê	500
143	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (Cầu Xáng Cụt); Trên lộ	500
144	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (Cầu Xáng Cụt); Dưới lộ	400
145	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ	Đến trường Tiểu học "B"	500
146	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ cầu Mười Khịch	Đến miếu Mỹ Tân	400
147	Tuyến đường đi chùa Địa Muồng	Bắt đầu từ Cầu nhà bà Nga	Đến Miếu ấp Mỹ Tân	400
148	Lộ Nông Thôn	Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long cũ	Đến ngã tư nhà ông Danh (ấp Phước 3A)	400
149	Lộ Nông Thôn	Bắt đầu từ cầu nhà 2 Rờ ấp Huê 3	Đến cầu nhà 9 Huỳnh ấp Phước 3A	400
150	Tuyến Kênh Tây Lác	Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức	Đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh . (Kênh Tây Lác)	340
151	Tuyến Kênh Tây Lác	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Hiền	Đến giáp ranh nhà ông Mai Văn Nhất	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
152	Tuyến Kênh Tây Mập	Bắt đầu từ ranh nhà ông Mai Văn Nhất	Đến nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	400
153	Tuyến Kênh Quảng Ất	Bắt đầu từ Cầu nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	Đến Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	400
154	Tuyến Kênh Quảng Ất	Bắt đầu từ Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Nhẫn (Ngã tư kênh Cây Nhâm)	400
155	Tuyến Kênh Chòm Tre	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Kháng (ấp Huê 3)	Đến nhà ông Dương Văn Phên (ngã ba ấp Tường 1)	400
156	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Em (Cầu ông Hoàng)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Lợi	340
157	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ cầu chùa Địa Muồng	Đến cầu hợp tác xã Trung Tính (đoạn nhà ông bà Thùy Vũ)	400
158	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ đường kênh Thầy Thép (nhà ông Lê Văn Tám)	Đến đường kênh Hòa Bình (nhà ông Phan Văn Hồng)	340
159	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Từ cầu Cựa Gà (nhà ông Thìn)	Đến nhà ông Hoàng	400
160	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Bắt đầu từ ngã ba Năm Cừ	Đến kênh 6.000 (nhà ông Phan Văn Đơ)	400
161	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Các tuyến đường còn lại		280
162	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			400
163	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 2m đến $\leq 3\text{m}$			350
164	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200

50. XÃ VĨNH PHƯỚC

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiên); Trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Trên lộ	3.800
2	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiên); Dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Dưới lộ	3.330
3	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Trên lộ	Đến hết ranh Trạm Y Tế; Trên lộ	3.800
4	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Dưới lộ	Đến hết ranh Trạm Y Tế; Dưới lộ	3.330
5	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trạm Y Tế; Trên lộ	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Trên lộ	2.000
6	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trạm Y Tế; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Dưới lộ	1.550
7	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Trên lộ	Đến hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Trên lộ	1.320
8	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Dưới lộ	Đến hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Dưới lộ	950
9	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Trên lộ	Đến hết ranh Chòm mã tại Xã Thoàn; Trên lộ	900
10	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Dưới lộ	Đến hết ranh Chòm mã tại Xã Thoàn; Dưới lộ	720
11	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Trên lộ	1.040
12	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Trên lộ	780
13	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Trên lộ	Đến Cầu xã Thoàn; Trên lộ	1.410

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Dưới lộ	Đến Cầu xã Thoàn; Dưới lộ	1.180
15	Khu vực cầu xã Thoàn	Cầu xã Thoàn	Đến hết ranh nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	650
16	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi	Đến kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	520
17	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ kênh 500, ấp Phước Thọ Tiền (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 500)	Đến kênh 1.000, ấp Phước Thọ Tiền (tên cũ: Đến kênh 1.000)	490
18	Khu vực cầu xã Thoàn	Đến kênh 1.000, ấp Phước Thọ Tiền (tên cũ: Đến kênh 1.000)	Đến kênh 3.000 ấp Phước Hậu (tên cũ: Đến kênh 3.000)	450
19	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ nhà Miếu cầu xã Thoàn	Đến hết ranh nhà Út Triều (trên, dưới)	450
20	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ cầu hết ranh nhà Út Triều	Đến Kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	450
21	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ nhà ông Quách Chuối	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên)	420
22	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Trên lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Trên lộ	1.040
23	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Dưới lộ	800
24	Khu vực cầu xã Thoàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long); trên lộ	840
25	Khu vực cầu xã Thoàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long); dưới lộ	720

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền); Trên lộ	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải; Trên lộ	3.330
27	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền); Dưới lộ (nhà ông Phạm Hoàng Tân)	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải; Dưới lộ	2.980
28	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải ; Trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P.Thành); Trên lộ	2.370
29	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải; Dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P.Thành); Dưới lộ	1.660
30	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành); Trên lộ	Đến kênh 1.000; Trên lộ	1.660
31	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành); Dưới lộ	Đến kênh 1.000; Dưới lộ	1.180
32	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000; Trên lộ	Đến Kênh 2.000; Trên lộ	1.040
33	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000; Dưới lộ	Đến Kênh 2.000; Dưới lộ	900
34	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Kênh 2.000; Trên lộ	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường); Trên lộ	520
35	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Kênh 2.000; Dưới lộ	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường); Dưới lộ	470
36	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân); Trên lộ	1.500
37	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân); Dưới lộ	1.180
38	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân); Trên lộ	Đến Kênh 2.000; Trên lộ	1.040

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Nang (Phước Tân); Dưới lộ	Đến Kênh 2.000; Dưới lộ	800
40	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 2.000; Trên lộ	Đến Kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh); Trên lộ	520
41	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 2.000; Dưới lộ	Đến Kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh); dưới lộ	450
42	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Trên lộ	1.660
43	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Dưới lộ	1.320
44	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Trên lộ	Đến hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Trên lộ	1.410
45	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Dưới lộ	Đến hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Dưới lộ	1.120
46	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Trên lộ	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD)); Trên lộ	860
47	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Dưới lộ	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD)); Dưới lộ	630
48	Nhánh đi Cà Mau	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD); Trên lộ	Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp (tên cũ: Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp); Trên lộ	650
49	Nhánh đi Cà Mau	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD); Dưới lộ	Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp (tên cũ: Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp); Dưới lộ	560
50	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ đầu Trường tiểu học C (ranh Thị trấn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi (Đầu kinh 3.000)	410

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51	Nhánh kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ hết ranh kênh 4.000 (giáp ranh xã Phước Long)	Đến Kênh 6.000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Hồng Dân)	760
52	Cầu Phó Sinh - Trạm Y tế	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Dương Văn Vũ (Phía sau)	Đến hết ranh trạm Y tế xã	2.230
53	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	đường nối từ cầu Phó Sinh 2	1.410
54	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Bắt đầu từ đường nối từ cầu Phó Sinh 2	Đến lộ Phước Tân-Phước Ninh	1.370
55	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Bắt đầu từ kênh 3000 (Bờ Tây)	Đến kênh 6000 (Bờ Tây) Phước Hậu (tên cũ: Đến kênh 6000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền)	420
56	Đường về khu căn cứ tỉnh Ủy	Bắt đầu từ đầu kênh 3000	Đến giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Thọ Hậu)	450
57	Tuyến áp Phước Tân	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Huỳnh Văn Minh)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	590
58	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà ông Nguyễn Văn Thống)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	350
59	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Đoàn Văn Lợi)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	350
60	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lê Văn Thắng)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	350
61	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 6000 (nhà bà Lê Thị Muội)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sang	350
62	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu từ đầu kênh Sóc Kha	Đến hết khu đất nhà ông Lê Văn Dũng	350
63	Tuyến áp Phước Thành, ấp Phước Thọ	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Nguyễn Văn Thương)	Đến Cống ông Lê Văn Cẩn	350
64	Tuyến áp Phước Thọ Tiền	Bắt đầu Cống ông Lê Văn Cẩn	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	590

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
65	Tuyến ấp Phước Trường, Phước Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Đặng Văn Minh)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	350
66	Tuyến ấp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà bà Trương Thị Phú)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	350
67	Tuyến ấp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Nguyễn Văn Viễn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	350
68	Tuyến ấp Phước Thạnh	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Lê Văn Ký)	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long)	350
69	Tuyến ấp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà bà Lê Thị Nhi) (tên cũ: nhà ông Huỳnh Văn Khui)	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long)	350
70	Tuyến ấp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Trần Văn Vũ)	Đến kênh Cộng Hòa (tên cũ: Đến kênh Thọ Hậu cũ)	350
71	Tuyến ấp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lý Thanh Tuấn)	Đến kênh Thọ Hậu cũ	350
72	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ (bờ Tây)	Đến kênh 1.000	450
73	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Kênh 1.000	Đến cầu Trường Học	400
74	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ; Trên lộ	Đến cống Ông Bọng; Trên lộ	450
75	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ; Dưới lộ	Đến cống Ông Bọng; Dưới lộ	400
76	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Trên lộ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Trên lộ	760
77	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Dưới lộ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Dưới lộ	650
78	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Trên lộ	560
79	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Dưới lộ	410

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Trên lộ	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Trên lộ	400
81	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Dưới lộ	330
82	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Trên lộ	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông); Trên lộ	350
83	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Dưới lộ	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông); Dưới lộ	330
84	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Trên lộ	650
85	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Dưới lộ	520
86	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Trên lộ	Đến kênh 1.000 về Phường Giá Rai (Bờ Tây); Trên lộ	560
87	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 về Phường Giá Rai (Bờ Tây); Dưới lộ	400
88	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây); Trên lộ	Đến ranh Phường Giá Rai; Trên lộ	420
89	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây); Dưới lộ	Đến ranh Phường Giá Rai; Dưới lộ	330
90	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre); Trên lộ	650
91	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre); Dưới lộ	510
92	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre); Trên lộ	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Hiệp; Trên lộ	510

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
93	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre); Dưới lộ	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Hiệp; Dưới lộ	400
94	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây (cũ)	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp (bờ tây)	510
95	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp; Trên lộ	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong; Trên lộ	420
96	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp; Dưới lộ	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong; Dưới lộ	330
97	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Kênh 1.000 (Cầu Vĩnh Phong)	Đến giáp xã Vĩnh Thanh	330
98	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây; Trên lộ	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông); Trên lộ	450
99	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây; Dưới lộ	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông); Dưới lộ	330
100	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)	Đến kênh 500 (bờ đông) hướng Vĩnh Phong	400
101	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Kênh Nhỏ; Trên lộ	Đến kênh 6 Hạo; Trên lộ	800
102	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Kênh Nhỏ; Dưới lộ	Đến kênh 6 Hạo; Dưới lộ	640
103	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 6 Hạo; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long; Trên lộ	640
104	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 6 Hạo; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long; Dưới lộ	530
105	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành (chùa CosĐon)	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 2000)	400
106	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 6000)	400
107	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến hết ranh xã Phước Long	530
108	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến Cầu Kinh mới (2 Đạo)	1.000

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
109	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cầu Kinh mới (2 Đạo)	Đến Cống Út Hạnh	950
110	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cống Út Hạnh	Đến giáp ranh xã Phong Hiệp	1.320
111	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Ba Âu	Đến cầu trường học Bình Tốt A (Tên cũ: Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chủ Đóng)	330
112	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ nhà ông Út Dân	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chủ Đóng)	330
113	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Kênh 2.000 (Út Ri)	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh	330
114	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cầu kênh Nhỏ Trường học	Đến cầu Trung ương Đoàn 4.000 (Vườn Cò)	330
115	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	Đến cây Xăng Lâm Xiệu	890
116	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	cầu sáu nơi	giáp ranh xã Phước Long (kênh 2000)	400
117	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	từ sáu quốc	tư nghiệp	300
118	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	nhà ông Ngô Minh Truyền	giáp ranh xã Phước Long (kênh 3000)	350
119	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	cầu Tà Nữ (kênh 2000)	kênh 3000 nhà bà Nguyễn Thị Cam	350
120	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Nhà ông Nguyễn Văn Đoàn	Nhà ông Nguyễn Văn Hiếu (bờ đông kênh nhỏ)	300
121	ĐT.979	Kênh 4000	kênh 6000	800
122	ĐT.980	Cầu Phó Sinh	Kênh 1000	1.200
123	ĐT.980	Kênh 1000	Kênh 3000	1.000
124	ĐT.980	Kênh 3000	Kênh 6000	800
125	ĐT.980	Hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên	Kênh 3000 (ấp Phước Thọ Hậu)	450

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
126	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2\text{m}$			220
127	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
128	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

51. XÃ VĨNH THANH

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1); Trên lộ	Đến hết ranh Trường cấp II; Trên lộ	1.600
2	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1); Dưới lộ	Đến hết ranh Trường cấp II; Dưới lộ	1.200
3	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II; Trên lộ	Đến cầu Đất Phèn giáp xã Châu Thới (Tên cũ: Đến cầu Đất Phèn giáp xã Vĩnh Hưng A); Trên lộ	1.060
4	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II; Dưới lộ	Đến cầu Đất Phèn giáp xã Châu Thới (Tên cũ: Đến cầu Đất Phèn giáp xã Vĩnh Hưng A); Dưới lộ	800
5	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu Ba Phong; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (nhà Phùng Văn Thao) (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Trên lộ	840
6	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu Ba Phong; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (nhà Phùng Văn Thao) (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Dưới lộ	660
7	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1); Trên lộ	Đến Cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Trên lộ	1.600
8	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1); Dưới lộ	Đến Cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Dưới lộ	1.350
9	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Tư Tuyền	500
10	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Ấp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Trên lộ	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Trên lộ	910
11	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Ấp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Dưới lộ	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Dưới lộ	800
12	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1)	Đến hết ranh Trạm Y Tế	1.200

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ Trạm Y tế	Đến cầu ông Phương (Tường 2)	720
14	Tuyến đổi diện đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Minh Dương (ấp Vĩnh Tường)	Đến nhà ông 8 Hà (ấp Tường 2)	400
15	Tuyến đường Vàm Tháp (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Xương	Đến cầu Bảy Việt (Mỹ Hoà)	500
16	Tuyến Tư Hào - 5 Thủy (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thủy	Đến cầu Tư Hào (Mỹ Hoà-Mỹ Trinh)	500
17	Tuyến đường Vành Đai (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ Đất Phèn	Đến Cầu ông Quân (ấp Tường 2)	400
18	Tuyến đường nhà Ông Phước - xã Phước Long (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đàm	Đến giáp ranh Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông)	400
19	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Nhà Nguyễn Văn Phương; Trên lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu Học; Trên lộ	900
20	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Nhà Nguyễn Văn Phương; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu Học; Dưới lộ	670
21	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu Học; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (tên cũ: Đến giáp ranh H. Hòa Bình); Trên lộ	660
22	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu Học; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh H. Hòa Bình); Dưới lộ	440
23	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Cầu nhà bà Mười Y; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông); Trên lộ	660
24	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Cầu nhà bà Mười Y; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông); Dưới lộ	540

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Tuyến đường Hoà Bình - Phước Long ĐH.17, kênh xáng Hòa Bình (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Châu Thới (bên lộ bê tông) (Tên cũ: Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa); Trên lộ	540
26	Tuyến đường Hoà Bình - Phước Long ĐH.17, kênh xáng Hòa Bình (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Châu Thới (bên lộ bê tông) (Tên cũ: Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa); Dưới lộ	460
27	Tuyến kênh Ranh (nhà ông Cư đến đất ông Quách Xia) (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ cổng ông Cư	Đến đất ông Xia (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (kênh Thầy Thép) - Mỹ Tường 1)	460
28	Tuyến đường Hưng Phú - Phong Thạnh (ĐH.10) (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ Cầu Biện Tôn	Đến Cầu ông Thiết - Mỹ Tường 1	460
29	Tuyến kênh Chòm Tre, ấp Vĩnh Tường (Lộ bê tông 3m) (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ cầu Tây Mập (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Tư Mập)	Đến kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long (nhà 10 Suôi) (Tên cũ: Đến kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ (giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	400
30	Tuyến đường dọc kênh Tân An (ấp Tường Tư) (Tên cũ: Đường Cặp kênh Tân An)	Đường Nguyễn Thị Mười	Đến giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	340
31	Tuyến đường kênh Cơ Sáu	Bắt đầu từ cầu nhà 3 Thu	Đến giáp ranh xã Châu Thới (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Hưng A)	660
32	Tuyến kênh Tư Đen	Bắt đầu từ Cầu Nhà ông Phong (ấp Mỹ Tường 2)	Đến Cầu 3 Quý (giáp lộ bê tông ấp Mỹ Trinh)	420
33	Tuyến kênh 3 Phong	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới (Nhà ông Lâm Thanh Phong)	Đến giáp ranh xã Phước Long (nhà ông 6 Sóng) (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (nhà ông 6 Sóng)	420
34	Tuyến kênh Xáng Cụt	Bắt đầu từ Cầu 3 Cứng ấp Vĩnh Tường (lộ bê tông nhà ông Trần Văn Út)	Đến lộ bê tông nhà ông Dương Văn Liêm (ấp Tường Tư)	400
35	Tuyến vô chợ Rọc Lá	Bắt đầu từ đầu lộ tuyến Nguyễn Thị Mười	Đến giáp lộ 2 Huệ - Tư Tuyền	1.100
36	Tuyến đường ấp Tường 1	Bắt đầu từ cầu 9 Chuột	Đến hết ranh đất ông Đù (cầu Tư Tiền), hai bên lộ	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Tuyến đường ấp Tường 1	Bắt đầu từ cầu 5 Sầm	Đến nhà ông Thi (hai bên lộ)	400
38	Tuyến đường ấp Tường 2	Bắt đầu từ nhà 8 Hà	Đến nhà ông Vũ (hai bên lộ)	400
39	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hoà Bình); Trên lộ	Đến Cầu Vĩnh Phong; Trên lộ	900
40	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Mỹ. (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hoà Bình); Dưới lộ	Đến Cầu Vĩnh Phong; Dưới lộ	720
41	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ Cầu Vĩnh Phong; Trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Trên lộ	1.200
42	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ Cầu Vĩnh Phong; Dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Dưới lộ	950
43	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - Cầu Trường Tòa; Trên lộ	1.700
44	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - Cầu Trường Tòa; Dưới lộ	1.400
45	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trường Tòa; Trên lộ	Đến hết ranh đất cây xăng Đức Thành; Trên lộ	1.700
46	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trường Tòa; Dưới lộ	Đến hết ranh đất cây xăng Đức Thành; Dưới lộ	1.300
47	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Đức Thành; Trên lộ	Đến ranh cống Hai Tiệm; Trên lộ	1.300
48	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Đức Thành; Dưới lộ	Đến ranh cống Hai Tiệm; Dưới lộ	1.100
49	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ cống Hai Tiệm; Trên lộ	Đến Cầu xã Tá; Trên lộ	900

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ cống Hai Tiệm; Dưới lộ	Đến Cầu xã Tá; Dưới lộ	700
51	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Cầu 3 Tâm (ấp Tường Thắng B, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 3 Thiết (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	600
52	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Chợ Trường Toà (ấp Vĩnh Hoà, bên Lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu nhà Ông Hà (ấp Tường Thắng B, bên Lộ bê tông 2,5m)	590
53	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Cầu 3 Thiết (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Ngã 3 Trường học (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	450
54	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Ngã 3 Cầu Tường Thắng A nhà Ông Tính (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến giáp ranh ấp 18, xã Vĩnh Mỹ (bên Lộ bê tông 3m)	400
55	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Ngã 3 Trường học (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 6 Tài (ấp 10, bên Lộ bê tông 3m)	350
56	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Cầu 6 Tài (ấp 10, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 10 Trí (ấp Tường 3B, bên Lộ bê tông 3m)	350
57	Tuyến đường dọc kênh Hai Tiệm (Lộ bê tông 3m)	Bắt đầu từ Cầu 3 Tâm (ấp Tường Thắng B, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 9 Chánh (ấp Tường 3B, bên Lộ bê tông 3m)	450
58	Tuyến đường dọc kênh Hai Tiệm (Lộ bê tông 3m)	Bắt đầu từ nhà ông Do (ấp Vĩnh Bình A, lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu 3 Thanh (ấp Vĩnh Bình A, lộ bê tông 2,5m)	350
59	Tuyến đường dọc kênh Lung Trâu (Cống Hai Tiệm, T02)	Bắt đầu từ Cống Hai Tiệm (ấp Vĩnh Hoà, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 3 Tầng (ấp Huê 2A, bên Lộ bê tông 3m)	450
60	Tuyến đường dọc kênh 8000 - 2 Hiền (T10)	Bắt đầu từ Cầu 8000 (ấp Vĩnh Đông, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ông Hiền (ấp Vĩnh Bình B, lộ bê tông 3m)	450

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Tuyến đường Công Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Công Tư Quán (ấp Vĩnh Đông, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 9 Chánh (ấp ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	450
62	Tuyến đường Công Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Công Tư Quán (ấp Vĩnh Đông, bên Lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu 9 Chánh (ấp Vĩnh Bình B, bên Lộ bê tông 2,5m)	350
63	Tuyến đường Công Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Cầu 9 Chánh (ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ngã 4-8000 (nhà 3 Nghĩa ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	400
64	Tuyến đường Công Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Cầu Ngã 4 - 8000 (nhà 3 Nghĩa ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Trường Tiểu học C (ấp Tường 3B, bên Lộ bê tông 3m)	350
65	Tuyến đường 2 Kiệt - 10 Trí (T08)	Bắt đầu từ Cầu 2 Kiệt (ấp Vĩnh Bình A, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 10 Trí (ấp Tường 3B, bên lộ bê tông 3m)	350
66	Tuyến đường Giồng Thành - kênh Chủ Đồng	Bắt đầu từ Cầu Trường Tiểu học C (ấp Tường 3B, bên lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu nhà Ông Bé (ấp Bình Thiện, bên lộ bê tông 2,5m)	340
67	Tuyến đường Công Tư Quán - kênh 6000, ấp Huê 2 (T07)	Bắt đầu từ Công Tư Quán (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 2,5)	Đến kênh thủy lợi nhà ông Dữ (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 2,5)	340
68	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Công Cây Nhâm (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Trạm bơm (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	450
69	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cầu Trạm bơm (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ông Thơ (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	400
70	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cầu Ông Thơ (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Địa Dứa (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	350
71	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cầu Địa Dứa (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 5 Dư (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	340
72	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu Xã Tá (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Tư Nuôi (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	450
73	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu Tư Nuôi (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu thủy lợi 6 Ngọc (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	400
74	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu thủy lợi 6 Ngọc (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ông Sen (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	350

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
75	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu Từ Nuôi (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cổng chào Cầu giáp Huê 2B (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	350
76	Tuyến đường dọc kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ Cầu Ông Trường (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	Đến Cầu thủy lợi Ông Tăng (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	300
77	Tuyến đường dọc kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ Cầu Ông Trường (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	Đến Cầu thủy lợi Ông Hùng (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	300
78	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2\text{m}$			220
79	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
80	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

52. XÃ VĨNH LỢI*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh Cần Thơ	Đến giáp ranh Cần Thơ + 200m (Cầu Nàng Rền)	3.600
2	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh Cần Thơ + 200m (Cầu Nàng Rền)	Đến cầu Xa Bảo	4.200
3	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Xa Bảo	Đến cách tim lộ tế Châu Thới 500m về hướng Cần Thơ	4.800
4	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cách tim lộ tế Châu Thới 500m về hướng Cần Thơ	Đến tim lộ tế Châu Thới	5.400
5	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ tim lộ tế Châu Thới	Đến cầu Cái Dầy	3.800
6	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp mé sông cầu Cái Dầy	Đến tim đường Lê Thị Mạnh	4.400
7	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ tim đường Lê Thị Mạnh	Đến cách ranh phường Bạc Liêu 400m	1.800
8	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cách ranh phường Bạc Liêu 400m	Đến giáp ranh phường Bạc Liêu	2.100
9	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Xa Bảo	Đến cách tim lộ tế Châu Thới 500m về hướng Sóc Trăng	2.500
10	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cách Quốc Lộ 1 500 m	700
11	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500m	Đến giáp ranh trường mẫu giáo Phong Lan	450
12	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ giáp ranh trường mẫu giáo Phong Lan	Đến cầu Nhà Dài A	400
13	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cầu Nhà Dài A	Đến giáp ranh xã Hưng Hội	350
14	Đường Trà Ban 2- Nhà Dài A	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà Bảy An (đê bao Đông Nàng Rền)	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Đường Trà Ban 2- Nhà Dài A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy An (Trà Ban 2)	Đến hết ranh đất nhà Năm Nai	300
16	Đường Trương Thị Cường	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Thông Lưu B1	750
17	Đường Trương Thị Cường	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu B1	Đến cầu Hà Đức (giáp ấp Mạc Đĩnh)	450
18	Đường Trương Thị Cường	Bắt đầu từ cầu Hà Đức (giáp ấp Mạc Đĩnh)	Đến giáp đường Huyện lộ 28	400
19	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết ranh Trường Mầm non Sơn Ca	2.400
20	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ giáp ranh Trường Mầm non Sơn Ca	Đến cầu Sáu Thanh	1.700
21	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ cầu Sáu Thanh	Đến hết ranh đất nhà Ông Trọng	500
22	Đường Lê Thị Mạnh (phía nam kênh Tư Bal)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết Khu Nhà ở xã hội	650
23	Đường 19/5	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Trường Yên	1.200
24	Đường 19/5	Bắt đầu từ cầu Trường Yên	Đến giáp ranh xã Châu Thới	1.000
25	Đường 19/5	Bắt đầu từ đường 19/5	Đến hết ranh Trường THPT Lê Văn Đẩu	1.000
26	Đường Huỳnh Thị Hoa	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Ông Hải	1.300
27	Đường Huỳnh Thị Hoa	Bắt đầu từ cầu Ông Hải	Đến giáp ranh phường Bạc Liêu	400
28	Đường Mạc Đĩnh - Bà Chăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Việt	Đến hết ranh đất nhà Bà 2 Mèo	400
29	Đường Mạc Đĩnh - Bà Chăng (đường 10 Hưng)	Bắt đầu từ cầu 8 Đơ	Đến Miếu Ông Tà	400
30	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến bãi rác	650
31	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ Đường Tân Tạo	Đến hết ranh Lò Hoả Táng	400
32	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ cầu Công Tâm	Đến giáp bãi rác	400
33	Đường Xẻo Chích	Bắt đầu từ lộ tè ngoài	Đến cầu Xẻo Chích cũ	850

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ cầu Xéo Chích cũ	Đến lộ rẽ trong	400
35	Đường Huỳnh Thị Ngó (Cô Hai Ngó)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Chùa Giác Hoa	600
36	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ cầu Ông Triều	Đến cầu Trường Yên	900
37	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ ranh nhà Ông Quậy	Đến giáp ranh xã Châu Thới	400
38	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ cống Bán	Đến hết ranh đất nhà Ông Thông	400
39	Đường Cái Dầy (ngang nhà Ông 5 Thành)	Bắt đầu từ ranh đất nhà kho Bà Kiêu	Đến hết ranh đất nhà út Hết	400
40	Đường Thông Lưu B (ngang nhà 2 Tuấn)	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến giáp xã Châu Hưng A	400
41	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu 6 Nghiêm	Đến phà 3 Lộ Mới	400
42	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến hết ranh đất nhà ông 5 Thọ	400
43	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu ông Tráng	Đến cầu 2 Lớn	400
44	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu 9 Nhiều	Đến hết ranh đất nhà 2 Tươi	400
45	Đường Xéo Lá (ngang nhà 6 Thanh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khải	Đến cầu 7 Định	400
46	Đường Xéo Lá	Bắt đầu từ cầu 4 Mạnh	Đến hết ranh đất nhà 3 Miên	400
47	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Thọ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Dương	Đến hết ranh đất nhà ông 8 Sơn	400
48	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Chuông)	Bắt đầu từ Điểm Trường Xéo Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Điểm	400
49	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Chính)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Khương Em	Đến hết ranh đất nhà 4 Nghiêm	400
50	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Tiện)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hòa	Đến hết ranh đất nhà ông Chiến	400
51	Đường Xéo Lá	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Lập	Đến hết ranh đất nhà Thạch Trắng	400
52	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Nhộn)	Bắt đầu từ cầu 5 Kiềm	Đến cầu Bà Sáng	400
53	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông Mãnh)	Bắt đầu từ cầu Ông Trường	Đến hết ranh đất nhà ông Yết	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
54	Đường Mặc Đây (ngang nhà Ông Dũng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Guôl	Đến giáp xã Châu Hưng A	400
55	Đường Mặc Đây (ngang nhà Ông 6 Chiên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dẫn	Đến cầu Ông Ngân	400
56	Đường Mặc Đây	Bắt đầu từ cầu Mặc Đây	Đến gáp ranh xã Châu Hưng A	400
57	Đường Mặc Đây	Bắt đầu từ cầu Mặc Đây	Đến hết ranh đất nhà ông Sương Dương	400
58	Đường Bà Chăng (ngang nhà Ông Khải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hà	Đến hết ranh đất nhà Ông Dũ	400
59	Đường Bà Chăng (Xalatel)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hà	Đến cầu Thanh Niên	400
60	Đường Bà Chăng (ngang nhà bà 9 Đò)	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Miếu Ông Tà	400
61	Đường Bà Chăng (ngang nhà Chệt Nhíp)	Bắt đầu từ cầu Bà Chăng	Đến giáp ranh xã Châu Hưng A	400
62	Đường Nhà Thờ (ngang nhà bà Diệp)	Bắt đầu từ cầu Ông Cha	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	450
63	Đường Nhà Thờ (Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	450
64	Đường Nhà Thờ (Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ lộ Nhà Thờ	Đến hết ranh đất nhà 6 Vinh	500
65	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tỷ	Đến hết ranh đất nhà Ông Sơn	400
66	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Ga	400
67	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tùng	Đến hết ranh đất nhà ông 3 kiên	400
68	Khu dân cư Hoài Phong (Đoạn chính) cách QL 30m	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 30m	Đến hết Đường số 1	800
69	Khu dân cư Hoài Phong (các đoạn còn lại)	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		500
70	Khu dân cư Huy Thống	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		500

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
71	Đường Bùi Văn Viết	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	3.600
72	Đường Lê Thị Quý	Đường Bùi Văn Viết	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	3.600
73	Đường Võ Văn Kiệt	Quốc Lộ 1	Giao đường Hoa Lư	3.600
74	Đường Nguyễn Thị Tiền	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Hoa Lư	3.600
75	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiền	3.600
76	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	Đường Bùi Văn Viết	Đường số 17	3.600
77	Đường Ngô Văn Ngộ	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiền	3.600
78	Đường Hoa Lư	Đường 19/5	Đường Nguyễn Thị Dần	3.600
79	Đường Phạm Thị Chử	Đường 19/5	Trung tâm y tế	3.600
80	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Bùi Văn Viết	Đường Hoa Lư	3.600
81	Đường khu nhà ở xã Hội Xẻo Lá	Các tuyến đường nội bộ trong khu Nhà ở Xã Hội		400
82	Cuối đường Trương Thị Cương	Bắt đầu từ cầu Sơn Dương	Đến giáp ranh xã Hưng Hội	500
83	Lộ Nhà Dài A - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Thượng	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Hậu	340
84	Lộ Nhà Dài B - Bàu Lớn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Nai	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thặng	340
85	Lộ Chắc Đốt - Cầu Sáu Sách	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến cầu nhà ông Sáu Sách (cổng 6 Sách)	500
86	Lộ Trà Ban 2 - Quang Vinh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Út Liễu (Quang Vinh)	400
87	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến cầu Sáu Liễu	450
88	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A-Hưng Thành (cầu Ông Tòng)	Đến giáp Thông Lưu B	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến hết ranh đất nhà ông Ut Hoàng	340
90	Đường Thanh Long	Đường Thanh Long	Đến hết ranh đất nhà Ông Bảo	340
91	Đường Thanh Long	Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà 10 Lỗn	340
92	Đường Thanh Long	Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà Ông Quyền	340
93	Đường Thanh Long	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bảy Tròn	Đáp Năm Nguyên	340
94	Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành	Bắt đầu từ trường mẫu giáo Phong Lan	Đến cầu Nhà Dài A	800
95	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến Chùa Châu Quang	340
96	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến hết ranh đất nhà thạch Út	340
97	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu 6A	Đến trạm bơm kênh Tư Báo	340
98	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu 5 Diệp	Đến hết ranh đất nhà 4 Oai	340
99	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hết	340
100	Lộ Trà Ban 2	Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến giáp ranh Sóc Trăng (Nhà ba Tám)	340
101	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Oanh	340
102	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà 8 Giang	340
103	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Nhà Tuấn Anh)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vui	340
104	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Miếu Thạch Thàn)	Đến hết ranh đất nhà Ông Hùng	340
105	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Cổng Trà Hắt)	Đến kênh Nội Đồng	340
106	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà 3 Sang)	Đến hết ranh đất nhà Ông Lý Đức	340
107	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Xuôi)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vinh	340
108	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Ái)	Đến hết ranh đất nhà Ông Út Em	340
109	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Lộ xã)	Đến cầu 2 Cồn	340
110	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ cầu Ông Khanh	Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Quyền	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
111	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Cầu 2 Kêu)	Đến hết ranh đất nhà Bà Thúy	340
112	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ cầu Út Lê	Đến cầu 2 Bửu	340
113	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hải	Đến cầu 5 Y	340
114	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ Lộ xã Châu Hưng A - Hưng Thành	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Ích	340
115	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu Nhà Dài A	Đến đê Bao Đông Nàng Rền	340
116	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A- Hưng Thành (Nhà Bích Trị)	Đến hết ranh đất nhà Ông Cọp	340
117	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu 3 Chấn	Đến cầu 6 Sành	340
118	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu Vũ Hoàng	Đường 3 Tình	340
119	Đông Nàng Rền	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến cổng 6 Sách	500
120	Lộ Nhà Dài A - Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 5 Hổ	Đến cầu 4 Hoàng	340
121	Lộ Nhà Dài A - Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu Ông Hổ	340
122	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ ranh nhà Ông Hai Hậu	Đến hết ranh đất nhà Ông Nhanh	340
123	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu Nhà Dài B	340
124	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 5 Lắm	Đến hết ranh đất nhà Ông Phụng	340
125	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến hết ranh đất nhà Ông Cường	340
126	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Minh	Đến hết ranh đất nhà 3 Xệ	340
127	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Bà Chênh	340
128	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Chủ	Đến giáp ranh Thị Trấn	340
129	Lộ Chắc Đốt	Điểm trường Tiểu học Chắc Đốt	Đến hết ranh đất nhà Ông Tông	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
130	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thiện	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Thạch	340
131	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lâm	Đến cầu Thạnh Long (6 Đê)	340
132	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 9 Tuấn	340
133	Lộ Thông Lưu A - Trà Ban 2	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 6 A	340
134	Lộ Hà Đức - Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu 5 Trường	Đến lộ Nhà Dài A	340
135	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến cầu 7 Bưởi	340
136	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ nhà bà Út Tích	Đến nhà ông 10 Vốn	340
137	Lộ 10 Hương	Bắt đầu từ đê bao Đông Nàng Rền	Đến nhà ông Măng	340
138	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ nhà ông 9 Tuấn (Chắc Đốt)	Đến giáp nhà ông Văn	340
139	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			300
140	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			350
141	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 3m			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200

53. XÃ HƯNG HỘI

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ giáp ranh phường Bạc Liêu (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh thành phố Bạc Liêu)	Cách ranh phường Bạc Liêu 200m (Tên cũ: Cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m)	2.150
2	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ cách ranh phường Bạc Liêu 200m (Tên cũ: Bắt đầu từ cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m)	Đến hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiểu	1.900
3	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiểu	Đến giáp cống nước mặn (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Hưng Thành)	1.600
4	Cù Lao - Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Cấu)	Đến ngã 3 Chùa Chót	670
5	Phú Tòng - Giá Tiểu	Bắt đầu từ trụ Sở Ấp Phú Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông Trọng	570
6	Giá Tiểu - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Điện	Đến cầu Chùa Chót	360
7	Lộ Sóc Đồn - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Đầu lộ Giá Tiểu)	Đến cầu nhà ông Tấn	400
8	Lộ Cả Vĩnh - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Cả Vĩnh)	Đến ầu nhà ông Năm Phù	400
9	Lộ Nước Mặn - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Sơn Nhàn)	Đến hết ranh đất nhà Máy Bà Yên	360
10	Lộ Nước Mặn - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Nước Mặn)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Thắng	660
11	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Trụ sở ấp Sóc Đồn)	Đến cầu nhà Bà Hoa	460
12	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Dương	Đến hết ranh đất nhà Thầy Lành	460
13	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Viễn	Đến Miếu Ông Bồn	300
14	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Trạm cấp nước	Đến Miếu Ông Bồn	300
15	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Tùng)	Đến Miếu Ông Bồn	340
16	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất Kho Sáu Diệu	Đến hết ranh đất nhà bà Hiền	300
17	Lộ Cù Lao- Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Đào Dên)	Đến hết ranh đất nhà Ông Phan Súa	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Cường)	Đến hết ranh đất nhà ông Lý Huông (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Trần Sól)	340
19	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lễn	Đến hết ranh đất nhà bà Lâm Thị ChuôL	340
20	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Kim Chung)	Đến sau nhà Bà Hương	400
21	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Bình Dinh	Đến hết ranh đất nhà Bà Huỳnh Thị Hường	420
22	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 9 Thân	Đến trạm Y Tế	700
23	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Chánh	Đến hết ranh đất nhà bà Thuỷ	700
24	Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lý Dũng	Đến cầu Chùa Chót	400
25	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cầu Sóc Đồn)	Đến cầu Chùa Chót	400
26	Lộ Đay Tà Ni	Bắt đầu từ cầu Chùa Chót	Đến cầu ông Dũng (Tên cũ: Đến cầu Nhà Ông Danh Sai)	300
27	Lộ Cái Giá - Đay Tà Cao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Sơn By	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lợi (đường Bãi Rác)	360
28	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thanh Thủy	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Mão	340
29	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Minh Hoa	Đến hết ranh đất nhà bà Trịnh Ngọc Phú	340
30	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Mi	Đến ngã 3 hết kho Văn Hiến	340
31	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Văn Hoá	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Huỳnh Tha	400
32	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Quang Trung	Giáp đất Chùa Đầu	340
33	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Hiếu Thảo	Cầu Nhà ông Hiệp	340
34	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Triệu Núp	Cầu nhà ông Huỳnh Na Si	340
35	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hoa Ry	Cầu nhà Bảnh Tốt	340
36	Lộ Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Đáng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chánh	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Giá Tiểu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Sơn	Đến cầu giáp ấp Mặc Đây	340
38	Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hội	Đến cầu Nhà Hòa giáp ranh Vĩnh Lợi (Tên cũ: Đến cầu Nhà Hòa giáp ranh Châu Hưng)	400
39	Lộ Giá Tiểu	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà ông Bầy	300
40	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Tiến	Đến hết ranh đất nhà ông Chiều	340
41	Lộ Cả Vĩnh - Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Mết	340
42	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thương	Đến giáp Chùa Đầu	340
43	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ Chùa Chót (phía sau)	Đến cầu nhà ông Quên	300
44	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Mến (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Vui)	Đến hết ranh đất nhà ông Đông	340
45	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (hương lộ 6)	Đến hết ranh đất nhà Sáu Tâm (Kho Tài Nguyên 2)	500
46	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Bực	340
47	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (hương lộ 6)	Sông Bạc Liêu	340
48	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tha	Đến hết ranh đất nhà Sơn Sà Miêl	340
49	Lộ Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thanh (Thanh Mập)	Đến cầu Ông Chênh	300
50	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ cống nước mặn	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Đúng	1.300
51	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ cầu Gia Hội	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Hoàng Thư	1.600
52	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500 m	Đến Gia Hội (giáp đất bà Trần Thị Hoàng Thư)	500
53	Lộ Gia Hội- Quốc Kỳ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Thành	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Hiền	340
54	Đường Đê Bao	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà Ông Thê)	Đến cầu Treo Vàm Lèo	600

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
55	Đường Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Phạm Văn Đệ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tới	400
56	Đường Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bành Văn Phén	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	600
57	Lộ Quốc Kỳ	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (nhà Bà Hồng)	Đến cầu 4 Bal	600
58	Lộ Quốc Kỳ - Phú Tòng	Bắt đầu từ cầu Ông Nhiều	Đến cầu Ông Móm	760
59	Lộ Phú Tòng - Nhà Thờ	Bắt đầu từ cầu Ông Móm	Đến cầu 6 Lành	500
60	Kênh Thông Lưu	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu	Đến hết ranh đất nhà Bà Loan	340
61	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ ranh đất trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	700
62	Lộ ấp Ngọc Được	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ánh Hồng	Đến cầu ông Thảo	350
63	Lộ ấp Ngọc Được	Bắt đầu từ cầu ông Chuối	Đến cầu Út Dân	350
64	Lộ ấp Ngọc Được	Bắt đầu từ cầu Út Dân	Đến hết ranh đất nhà Ông 9 Bé	350
65	Lộ Vườn cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hăng	Đến cầu Hai Ngươn	350
66	Lộ Vườn cò-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Hai Ngươn	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hòa	350
67	Lộ ấp Gia Hội	Bắt đầu từ trạm Y Tế (Cũ)	Đến hết ranh đất nhà Bà Kim Thuận	400
68	Lộ ấp Xẻo Nhào-Hoàng Quân 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hai Rầy	Cổng Hoàng Quân III	400
69	Lộ Vườn cò-Hoàng Quân 1	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Thoại	Cầu Hoàng Quân I (Nhà Ông Út Gờ)	350
70	Lộ ấp Năm Căn-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Ông 3 Tiễn	Cầu Thanh Niên	340
71	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Cầu Ông Bảnh	340
72	Lộ Hoàng Quân 2	Bắt đầu từ cầu Ông Toàn (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Ông Thảo)	Cầu Ông Bình	340
73	Đê Bao Ấp Năm Căn	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông Mã)	Cổng Nước Mặn	400

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
74	Lộ Quốc Kỳ	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông 5 Đức)	Đền kênh ông cha (Hết phần đất nhà Ông Cường)	340
75	Lộ ấp Hoàng Quân 2	Bắt đầu từ nhà ông 3 Quận	Đến cầu 7 Nhi	270
76	Lộ ấp Nhà Thờ	Huyện lộ 28 (Cầu 6 Lành)	Huyện lộ 28 (Nhà ông Trần Văn Nhung)	300
77	Lộ ấp Nhà Thờ	Bắt đầu từ phần đất ông Võ Văn Thay	Phần đất nhà ông Lê Tấn Ty	280
78	Lộ ấp Năm Căn	Bắt đầu từ ranh đất ông Cao Hồng Hạnh	Đến giáp kênh Thông Lưu	250
79	Lộ Út Phén	Cầu ông Diên	Cầu ông Biểu	320
80	Lộ Gia Tiểu	Bắt đầu từ ranh nhà ông Điện	Đến nhà ông Thắng	280
81	Lộ Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh ông Út Bá	Đến đất ông Mộc	280
82	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2\text{m}$			220
83	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			250
84	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180

54. XÃ CHÂU THỚI

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường đi Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đền Thờ Bác	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Nam	950
2	Khu vực chợ (xã Châu Thới)	Bắt đầu từ cách UBND xã 300 m về hướng QL1	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bác	1.100
3	Đường 19/5	Bắt đầu từ giáp ranh Thị Trấn Châu Hưng	Cách UBND xã 300 m về hướng QL1	950
4	Đường 19/6	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bác	Đến Đền Thờ Bác	850
5	Đường Bàu Sen (Tên cũ: Đường Bàu Sen)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hui (Cổng Văn Hóa)	Đến cầu Thanh Niên	400
6	Đường Trà Hắt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến cầu Trà Hắt	350
7	Đường ấp Trà Hắt-Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ba Cùm	Đến cầu Thợ Vỡ	400
8	Đường Bà Chăng A-B1-B2	Bắt đầu từ ranh trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến cầu Thanh Niên (Tên cũ: Đến cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng))	340
9	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Sáu Miếu	Đến cầu Ba Cùm	500
10	Đường Giồng Bướm A.B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu	Đến cầu Dù Phịch	500
11	Đường Giồng Bướm B	Bắt đầu từ ngã 3 Lung Sen	Đến cầu Xá Xính	340
12	Đường Công Điền-Cai Điều	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Thọ	Đến đường học Cai Điều	340
13	Đường Giồng Bướm A-Tràm 1	Bắt đầu từ cầu Bảy Sên	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Việt (bà Kiều)	340
14	Đường Cái Điều-Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh đất trường học Cai Điều	Đến cầu miếu Đá Trắng	340
15	Đường Bà Chăng A- Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Oanh	Đến cầu ngã ba Trần Nghĩa	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Đường B2- Giồng Bướm B-Tràm 1	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng))	Đến Miếu Bà Tràm 1 (Giáp ranh xã Hòa Bình) (Tên cũ: Đến Miếu Bà Tràm 1 (Giáp ranh xã Long Thạnh))	500
17	Đường Bàu Sen-Bà Chăng A-Bà Chăng B	Bắt đầu từ cầu Chữ Y	Đến cầu Kênh Cùg	340
18	Đường Bàu Sen (Tên cũ: Đường Bàu Sen)	Bắt đầu từ cầu Thợ Võ	Đến hết ranh đất nhà ông Việt	340
19	Đường Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh trụ sở ấp Bà Chăng B	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thuận	340
20	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến trường Nguyễn Bình Khiêm	340
21	Đường Bà Chăng B	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu Tư Nam	340
22	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ ranh nhà máy bà Chín Lèo	Đến giáp ranh xã Long Thạnh	340
23	Đường Công Điền- Nàng Rền	Bắt đầu từ cầu Ông Lác	Đến Miếu bà Nàng Rền	340
24	Đường Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh Trường Ngô Quang Nhã	Đến cầu Ông Tuệ	340
25	Đường Lung Sen	Bắt đầu từ cầu Ông An	Đến cầu Ông Lợi (Kinh Xáng)	340
26	Đường kênh Thanh Niên	Bắt đầu từ ranh Trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến Ấp B2 (Nhà ông Phúc)	340
27	Đường Trà Hát	Bắt đầu từ cầu Trà Hát	Đến hết ranh đất nhà Bà Chợ	340
28	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sáng	340
29	Đường Bà Chăng A-B1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hai	340
30	Đường Nàng Rền - Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mùi	Đến hết ranh đất nhà ông Đực	340
31	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông An	Đến hết ranh đất nhà ông Xuân	340
32	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tấu	Đến cầu nhà ông Dũng	340

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Đường Hàn Bần	Bắt đầu từ ranh trường tiểu học Châu Thới	Đến cầu nhà ông 6 Ngộ	340
34	Tuyến Giồng Đé	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tỏa	Đến giáp ranh ấp Công Điền	340
35	Tuyến Bào Sen - Bà Chăng A (Tên cũ: Tuyến Bàu Sen - Bà Chăng A)	Bắt đầu từ cầu Bà Sanh	Đến hết ranh đất nhà ông Công	340
36	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà bà Hoa	Đến hết ranh đất nhà ông 7 Sên	340
37	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà ông 5 Đá	Đến hết ranh đất nhà ông Thủ	340
38	Đường ấp Tràm 1	Bắt đầu từ ranh nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà bà Kim Hai	340
39	Đường ấp Cai Điều	Bắt đầu từ ranh nhà ông Khanh	Đến cầu Bà Lãng	340
40	Đường ấp Bào Sen (Tên cũ: Đường ấp Bàu Sen)	Bắt đầu từ ranh nhà ông Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	340
41	Đường ấp Bào Sen (Tên cũ: Đường ấp Bàu Sen)	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đê	340
42	Đường ấp Bào Sen (Tên cũ: Đường ấp Bàu Sen)	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến giáp Sóc Trăng	340
43	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà ông Hiền	340
44	Đường ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông Hường	340
45	Đường ấp Giồng Bướm B	Bắt đầu từ cầu Lung Sen	Đến hết ranh đất nhà ông Thiên	340
46	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Bích	340
47	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu Ông Nhiên	Đến hết ranh đất nhà Ông Khoa	340
48	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đáng	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngọc Tới	340
49	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà Ông Việt (giáp ấp Xóm Lớn)	340